

Day & học

Số 4 - tháng 10 | 2018

NGƯỜI HỌC

NGỘ NHẬN VỀ THANG BLOOM

LÝ THUYẾT VÙNG PHÁT TRIỂN GẦN

MÔ HÌNH HỌC TẬP SAMR

MÔ HÌNH THIẾT KẾ SƯ PHẠM ADDIE

DAY CON KIỂU ĐỘC ĐOÁN VÀ NHỮNG HỆ QUẢ

HỌC THỂ NÀO?

MÔ HÌNH SAMR – CHIẾN LƯỢC HIỆU QUẢ
CHO HỌC TẬP HỖN HỢP06

Trung Hà dịch

DẠY THỂ NÀO?

MỐI QUAN HỆ GIỮA HOẠT ĐỘNG THỂ CHẤT VÀ
VIỆC CẢI THIỆN CÁC HÀNH VI LỚP HỌC06

Phương Nguyễn dịch

HỖ TRỢ NHỮNG HỌC SINH
GẶP CHỨNG KHÓ ĐỌC09

Đặng Thanh Giang dịch

MÔ HÌNH THIẾT KẾ SƠ PHẠM ADDIE12

Thu Nga dịch

LÝ THUYẾT VÙNG PHÁT TRIỂN GẦN
VÀ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC18

Nguyễn Minh Thành

NGỘ NHẬN VỀ THANG BLOOM23

Diệu Nguyễn dịch

DẠY CON KIỂU ĐỘC ĐOÁN VÀ NHỮNG HỆ QUẢ 26

Trung Hà

QUẢN LÝ GIÁO DỤC

NỀN TẢNG CỦA MỘT VĂN HÓA TRƯỜNG HỌC TỐT ...33

dainganxanh lược dịch

CẢI TỔ GIÁO DỤC

NĂM 2030, CÔNG NGHỆ CÓ THỂ

HỖ TRỢ LỚP HỌC THẾ NÀO?35

Bùi Quang Minh dịch

05 XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC NĂM 2018.....39

Đặng Thanh Giang dịch

TỪ THỰC ĐỊA

MÔ HÌNH CODING BOOTCAMP -

TRẠI HUẤN LUYỆN LẬP TRÌNH41

Khắc Nhật

GIỚI THIỆU SÁCH

LỜI HỨA VỀ MỘT CÂY BÚT CHÌ44

Hoàng Anh Đức giới thiệu

Thể lệ gửi bài:

Quý thầy cô, anh chị có nội dung liên quan tới Dạy và Học muốn chia sẻ tới cộng đồng, xin vui lòng gửi về Ban Biên tập Lộn xộn qua email bientap@day-hoc.org

Cuối bài viết, tác giả xin vui lòng giới thiệu vài nét về bản thân: Họ tên, nơi công tác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, các chủ đề nghiên cứu yêu thích...

Do thời gian và nhân sự có hạn, Ban Biên tập xin phép chỉ liên hệ với các bài viết được chọn đăng.

Tinh thần 4.0

Ban Biên tập và quý thầy cô, anh chị gửi bài cộng tác đều chia sẻ tinh thần 4.0, tức là:

- 0 lương
- 0 văn phòng
- 0 chuyên môn cao
- 0 giới hạn không gian - thời gian

Địa chỉ gửi bài:

Bientap@day-hoc.org

Chia sẻ:

Quý thầy cô, anh chị cảm thấy nội dung Dạy và Học có ích, xin vui lòng chia sẻ tới bất kỳ những ai quan tâm, kèm theo trích dẫn nguyên vẹn và đầy đủ về nguồn gốc bài viết.

Mọi người nói về **Dạy & Học**



“Cảm ơn những người hùng bản địa (local champions) như các bạn! Tôi nghĩ rằng một ấn phẩm với định hướng thực hành như Dạy & Học có thể đem lại ảnh hưởng lớn, không chỉ ở những lời khuyên thực tế dành cho giáo viên, mà còn giúp nâng cao vị thế nghề nghiệp và cách mà giáo viên suy nghĩ về bản thân và công việc của mình.”

- TS Daniel Gray Wilson,
Giám đốc Đề án Sổ không,
Trường Giáo dục Harvard

Lời tựa

Quý độc giả thân mến,

Vậy là đã trải qua 4 tháng kể từ khi Dạy và Học ra mắt số đầu tiên. Chúng tôi không ngừng đón nhận những ý kiến đóng góp từ quý thầy cô, bạn bè trên cả nước để liên tục làm mới mình. Đó là niềm vui mà chúng tôi vô cùng trân quý.

Với chủ đề “Người học”, chúng tôi xin giới thiệu về “Mô hình SAMR - chiến lược hiệu quả cho học tập hỗn hợp”, một gợi ý cho người học; cùng với “Mô hình Thiết kế Sư phạm AD-DIE”, một gợi ý cho người dạy. Bên cạnh “Lý thuyết về vùng phát triển gần” của Vygotsky, “Ngộ nhận về thang Bloom” cũng được đề cập đến để một lần nữa, chúng ta cùng hình dung lại về hoạt động dạy và học.

Vấn đề cá nhân của mỗi phụ huynh: “Dạy con đọc đoán và những hệ quả” được đặt cạnh “Nền tảng của một văn hoá trường học tốt”, “Hỗ trợ những học sinh gặp chứng khó đọc”, khiến cho sự tương phản phần nào thêm sôi động hơn.

Xu hướng công nghệ năm 2018 và các dự đoán của năm 2030 cũng được điểm qua, với góc độ tác động đến người học. Cuối cùng, một mô hình học tập mới - Trại huấn luyện lập trình được giới thiệu tới chúng ta, cùng với câu chuyện đầy cảm hứng “Lời hứa về một cây bút chì”.

Kính chúc quý vị có khoảng thời gian thú vị,

Thay mặt **Ban Biên tập Lộn xộn**,

Hoàng Anh Đức





Mô hình SAMR – chiến lược hiệu quả cho Học tập hỗn hợp

Christopher Pappas | Phương Nguyễn dịch

Mô hình SAMR là viết tắt của Substitution Augmentation Modification Redefinition, được thiết kế bởi tiến sĩ Ruben Puentedura. Cách tiếp cận này sẽ cho bạn cơ hội để tích hợp công nghệ vào chiến lược học tập hỗn hợp, do đó bạn có thể cung cấp cho nhân viên của bạn những kinh nghiệm học tập hỗn hợp tương tác và hấp dẫn nhất. SAMR có bốn cấp độ giúp giảng viên kết hợp các công cụ học tập kỹ thuật số và các nền tảng vào các kế hoạch bài học của họ, do đó mang lại những lợi ích của công nghệ hiện đại vào môi trường đào tạo trong công ty.

1. Thay thế (Substitution).

Mức đầu tiên của mô hình SAMR là thay thế, trong đó các công cụ hoặc các công nghệ mới sẽ thay thế phương pháp cũ. Nói chung, giai đoạn này không liên quan đến các học viên của công ty, nhưng các giảng viên hay trợ giảng trực tuyến. Nếu các học viên của công ty đang tham gia, không “thay đổi chức năng” trong các phương pháp giảng dạy hoặc chương trình đào tạo trực tuyến. Trong một số trường hợp, công nghệ cũng có thể thay thế hẳn công cụ chứ không chỉ dựa trên nền tảng công nghệ. Ví dụ, thay vì chuyển đổi việc từ viết tay sang đánh máy, các huấn luyện viên có thể khuyến khích người học của công ty bằng cách giao bài tập bằng cách gửi qua email hay tải nó lên blog tương ứng mà họ đã tạo ra cho mục đích đào tạo.



học viên trong công ty, đặc biệt những người có sự kháng cự với thay đổi.

2. Mở rộng (Augmentation)

Bước thứ hai trong quá trình SAMR, Mở rộng là sự phát triển của khái niệm thay thế. Học viên của công ty được yêu cầu sử dụng công nghệ với các công cụ hiện có, ngoài ra còn được khuyến khích thử các tính năng và chức năng mà các công cụ mới có thể cung cấp. Khoảng thời gian này, có một “sự thay đổi chức năng” trong giảng dạy và học tập.

Làm thế nào để áp dụng Augmentation trong đào tạo trực tuyến?

Tích hợp công nghệ mới vào kế hoạch bài học, chẳng hạn như các công cụ cộng tác trực tuyến (ví dụ ứng dụng của Google), để cho nhân viên khám phá lợi ích của công nghệ một cách trực tiếp. Ví dụ, bạn có thể tạo ra một file document trên Google có tính năng bổ sung các tài nguyên học tập hoặc ý tưởng chính từ các mô-đun đào tạo trực tuyến, sau đó chia sẻ với họ. Bạn yêu cầu họ hãy thêm liên kết và ý kiến riêng vào bảng tính và chia sẻ nó với bạn bè của họ. Không đơn thuần là bạn dạy bằng ví dụ, mà bạn đang động viên họ khám phá công nghệ của riêng mình.

3. Sửa đổi (Modification)

Bước thứ ba trong một chiến lược SAMR thành công là Sửa đổi, bao gồm những thay đổi trong công việc hoặc thực hành đào tạo trực tuyến. Đây là giai đoạn mà SAMR chuyển từ “nâng cao” để “chuyển đổi”. Trong trường hợp này, công nghệ được sử dụng để thay đổi cách học của công ty bằng cách tiếp cận công việc, cũng như cách giải quyết các vấn đề trong và ngoài của phòng đào tạo.

Làm thế nào để áp dụng Sửa đổi trong đào tạo trực tuyến?

Các nhiệm vụ và các hoạt động đào tạo trực tuyến được sử dụng hay gặp phải sự hạn chế về

Làm thế nào để áp dụng việc Thay thế trong đào tạo trực tuyến?

Ở giai đoạn đầu của quá trình tích hợp công nghệ, nhân viên cần được khuyến khích sử dụng công nghệ để giải quyết các nhiệm vụ, nhưng nhiệm vụ chính vẫn được giữ nguyên. Ví dụ, nếu bạn đang yêu cầu nhân viên của bạn làm việc cùng nhau trong một dự án nhóm, họ có thể sử dụng Internet để thu thập thêm thông tin về chủ đề. Tuy nhiên, việc sử dụng công nghệ sẽ không phải là nền tảng của các dự án đào tạo trực tuyến. Về bản chất, bạn nên sử dụng các công cụ hiện đại để thay thế các công cụ hiện có đã lỗi thời hoặc không hiệu quả. Đó là một sự thay thế trực tiếp mà không bao gồm bất kỳ việc nâng cấp hoặc cập nhật tính năng bổ sung. Hãy cung cấp một cách chậm và đều đặn cho những

công nghệ hoặc không có công nghệ nào, bây giờ sẽ cần tập trung vào các công cụ dựa trên nền tảng công nghệ. Tạo ra bài tập trực tuyến bằng việc sử dụng phương thức “cũ” kết hợp với công nghệ mới để cho nhân viên của bạn trở nên quen thuộc hơn với quá trình này. Ví dụ, yêu cầu học viên của công ty viết ra một kịch bản, sau đó họ phải biến nó thành một bài thuyết trình bằng video trực tuyến hoặc trình chiếu. Điều này mang lại cho họ cơ hội quyết định cách tích hợp công nghệ. Một người học của công ty có thể chỉ đơn giản là ghi lại bằng việc thu âm đơn thuần, học viên khác có thể thêm các hiệu ứng âm thanh, nhạc nền, và biểu tượng có thể click đến bài trình bày trực tuyến của họ. Học viên đi theo tốc độ riêng và khám phá các công cụ công nghệ cao theo cách riêng của họ. Thay vì buộc họ phải thích nghi, họ có cơ hội để sử dụng công nghệ vào thời điểm và cách thức phù hợp.

4. Định nghĩa lại (Redefinition)

Đây là mức độ thứ tư của mô hình SAMR, và nơi mà công nghệ thực sự biến đổi kinh nghiệm đào tạo trực tuyến. Trong giai đoạn Định nghĩa lại, học viên có thể hoàn thành nhiệm vụ và các hoạt động học tập mà các giai đoạn trước không khả thi. Giai đoạn này cũng quan trọng để đề cập đến việc người hướng dẫn hay người hỗ trợ học phải xác định được vai trò của công nghệ trong lớp học. Nếu bạn muốn học viên của công ty sử dụng công nghệ bằng cách hoàn thành đánh giá trực tuyến hoặc các hoạt động trực tuyến khác, bạn phải làm cho họ nhận thức được trước đã.

Làm thế nào để áp dụng giai đoạn Định nghĩa lại trong đào tạo trực tuyến?

Hãy hỏi nhân viên để khởi tạo ý tưởng về cách mới mà họ có thể sử dụng công nghệ nhằm đem lại ích cho mình, hoặc cung cấp cho họ những hướng dẫn cụ thể về phương tiện truyền thông mà họ có thể sử dụng để hoàn thành một

nhiệm vụ đào tạo trực tuyến. Ví dụ, bạn có thể yêu cầu họ tạo ra một trang web để truyền tải một ý tưởng cốt lõi của bài học, làm việc cộng tác trực tuyến với các đồng nghiệp. Hãy cho họ biết các công cụ khác cần phải dùng đến, chẳng hạn như hiệu ứng âm thanh, hình ảnh, video trực tuyến, và tiến trình thời gian. Cung cấp cho họ danh sách chi tiết các công cụ mà họ có thể sử dụng, cũng như liên kết để hướng dẫn hoặc định hướng về cách sử dụng những công cụ này. Trước khi công nghệ được đưa vào chương trình đào tạo trực tuyến, học viên của công ty có thể đã không thể giải quyết được nhiệm vụ như vậy. Tuy nhiên, bây giờ họ có quyền truy cập vào các công cụ trực tuyến, họ có thể tận hưởng những lợi ích của việc tương tác và đắm chìm trong học tập hỗn hợp.

Tích hợp công nghệ vào chương trình đào tạo trực tuyến của bạn sẽ không phải là một thử nghiệm tốn kém hay nhiều sai sót. Hãy sử dụng hướng dẫn này để làm cho quá trình chuyển đổi công nghệ vốn căng thẳng trở nên hiệu quả bằng cách áp dụng SAMR. Hãy nhớ rằng, nếu nhân viên của bạn có chống cự với công nghệ trong phòng đào tạo, thì nhấn mạnh những lợi ích thực tế của việc sử dụng các ứng dụng và công cụ để giải quyết vấn đề và vượt qua những thách thức hàng ngày.

A B C D E
F G H I J K
L M N O P
Q R S T U
V W X Y Z

N J E L
P U F
S K B C
O W T X I
G M A R
V D Y
H L

HỖ TRỢ NHỮNG HỌC SINH GẶP CHỨNG KHÓ ĐỌC

Jessica Hamman | Đặng Thanh Giang dịch

Dưới đây là năm phương pháp giáo viên có thể dễ dàng áp dụng để giúp học sinh với chứng khó đọc (dyslexia) cảm thấy đỡ căng thẳng và đạt được tiến bộ.

Với nhiều người trong chúng ta, việc đọc cũng tự nhiên như hít thở. Nhưng đối với hàng triệu học sinh bị chứng khó đọc, đó là một nhiệm vụ khó khăn, liên tục đặt ra những thách thức trong học tập và tâm lý. Để mô phỏng trải nghiệm với chứng khó đọc, hãy thử sử dụng hướng dẫn để đọc câu được mã hóa dưới đây.

a=/z/ b=/y/ c=/x/ d=/w/ e=/v/ f=/u/ g=/t/ h=/s/
i=/r/ j=/q/ k=/p/ l=/o/ m=/n/ n=/m/ o=/l/ p=/k/
q=/j/ r=/i/ s=/h/ t=/g/ u=/f/ v=/e/ w=/d/ x=/c/
y=/b/ z=/a/

ivzwrmt drgs wbhocrz rh vcszfghgrmt

Những gì bạn vừa làm là học lại cách đọc. Bạn đã ghi nhận các biểu tượng và kết nối chúng với cách đọc mới. Cho đến khi các kết nối đó được chuyển hóa tự động, quá trình đọc sẽ tốn rất nhiều thời gian và sức lực. Hãy tưởng tượng nếu phải đọc như vậy, bạn sẽ mất cả ngày dài để chiến đấu với một từ. Đó là cảm nhận của những học sinh mắc chứng khó đọc.

Mặc dù nhận thức về chứng khó đọc đang ngày càng tăng nhờ các chiến dịch quần chúng như Giải mã chứng khó đọc (Decoding Dyslexia) và các tổ chức như Hiệp hội chứng khó đọc quốc tế (IDA) và Trung tâm Quốc gia về Khuyết tật trong học tập (NCLD), nhiều giáo viên vẫn chưa quen và gặp khó khăn trong việc tổ chức lớp học cho phù hợp với học sinh mắc chứng khó đọc.

Dưới đây là những gì chúng ta biết: Chứng khó đọc khá phổ biến, ảnh hưởng đến 5 đến 17 phần trăm học sinh. Đó là kết quả của một hoặc nhiều sai lệch trong quá trình não bộ xử lý ngôn ngữ, có thể ở rapid automatized naming - RAN, bộ nhớ làm việc, quy trình xử lý âm vị và/hoặc thính giác. Chứng khó đọc có di truyền, thường từ cha mẹ hoặc ông bà. Chứng khó đọc có nhiều mức độ khác nhau, vì vậy một số học sinh có thể bị nhẹ trong khi những em khác bị ảnh hưởng sâu sắc.

Chứng khó đọc có thể xảy ra kèm theo với những khó khăn trong học tập khác như chứng rối loạn viết chữ (dysgraphia), rối loạn thiếu tập trung/hiếu động thái quá, khó thở và/hoặc chứng khó học Toán (dyscalculia).

Chứng khó đọc không liên quan đến trí thông minh. Một nghiên cứu của Đại học Yale, được hỗ trợ bởi danh sách những người thành công bị chứng khó đọc - bao gồm Richard Branson, Steven Spielberg, Steve Jobs và Albert Einstein, chứng tỏ rằng những người mắc chứng này có thể cực kì thông minh.

Học sinh mắc chứng khó đọc có thể đạt được tiến bộ thông qua chương trình hỗ trợ được thiết kế khoa học và dạy bởi các giáo viên được đào tạo chuyên nghiệp để tăng khả năng đọc chính xác, trôi chảy và hiểu văn bản.

Ngoài việc hướng dẫn thêm, học sinh bị chứng khó đọc sẽ được hưởng lợi từ các phòng học được sắp xếp cho phù hợp với các em, cho phép các em thể hiện sự hiểu biết về nội dung bài học và tiếp cận chương trình dễ dàng hơn.

NHỮNG THAY ĐỔI CÓ THỂ DỄ DÀNG ÁP DỤNG

Dưới đây là năm thay đổi có thể dễ dàng thực hiện để hỗ trợ học sinh bị chứng khó đọc trong lớp học:

1. Cung cấp sách nói (audiobook): Học sinh mắc chứng khó đọc thường có khả năng trí tuệ cao hơn mức đọc hiểu của các em. Giáo viên có thể giúp học sinh tăng cường tư duy phản biện, vốn từ vựng và kiến thức nền tảng bằng cách cho các em nghe sách nói trong giờ đọc trên lớp.

Một số lựa chọn tuyệt vời sách nói bằng tiếng Anh trong lớp học là **Learning Ally**, **OverDrive Education** và **Bookshare**. Một lựa chọn miễn phí khác là tải một cuốn sách điện tử lên ứng dụng Kindle và yêu cầu **Alexa** của Amazon “đọc cuốn sách Kindle mới nhất của tôi”.

Bạn có thể cho tất cả các học sinh trong lớp lựa chọn phương án nghe sách nói để giảm cảm giác khác biệt cho các học sinh mắc chứng khó đọc.

2. Cho phép học sinh sử dụng các ứng dụng ghi chú: Học sinh bị chứng khó đọc có thể gặp khó khăn với các công việc hàng ngày như chép bài trên bảng và viết lại các hướng dẫn bằng giọng nói. Trở ngại này sẽ bị loại bỏ khi giáo viên cho học sinh sử dụng các ứng dụng công nghệ hỗ trợ như **Notability** hoặc **Evernote** để chụp ảnh, ghi chú bài giảng để xem xét và nghiên cứu sau này.

3. Cho phép học sinh ghi âm hướng dẫn bài tập và bài giảng: Bản chất của chứng khó đọc là vấn đề xử lý ngôn ngữ, do đó học sinh mắc chứng khó đọc đôi khi gặp khó khăn với những hướng dẫn phức tạp bằng lời nói và bị giảm chú ý trong các bài giảng dài. Để giải quyết vấn đề này, giáo viên có thể cho phép học sinh ghi âm các hướng dẫn bài tập quan trọng và các bài giảng để phát lại bằng các ứng dụng như **Siri** từ Apple hoặc **Read & Write**, một ứng dụng miễn phí của Google Chrome được phát triển từ TextHelp.

4. Giảm lượng bài tập về nhà: Học sinh bị chứng khó đọc cũng cần làm bài tập về nhà, nhưng vì khó khăn trong xử lý ngôn ngữ, cùng một lượng bài tập về nhà với các em có thể dài gấp ba đến năm lần so với các bạn cùng lớp. Hãy cho phép học sinh mắc chứng khó đọc chọn các bài mà các em có thể làm, hoặc chỉ giao một nửa số bài tập để ôn tập và thực hành kiến thức trên lớp thay vì làm cho nó trở thành bài luyện sức chịu đựng.

5. Khuyến khích sử dụng các ứng dụng chuyển hóa văn bản thành giọng nói (text-to-speech): Ở các cấp học cao hơn, học sinh bị chứng khó đọc sẽ cần truy cập với lượng văn

bản vượt quá khả năng học tập của mình và ứng dụng chuyển hóa văn bản thành giọng nói có thể đem đến sự thay đổi thực sự. Học sinh có thể tìm logo **BrowseAloud** để nhận diện các trang web được chuyển hóa thành giọng nói hoặc tải ứng dụng **Read & Write** của Google Chrome để dịch tất cả văn bản web thành dạng nói.

Đối phó với chứng khó đọc là việc khó khăn trong hệ thống giáo dục bằng văn bản nặng nề ngày nay. Những phương pháp trên chỉ là phần ngọn của tảng băng trôi để làm cho học sinh cảm thấy được hỗ trợ và được chấp nhận trong lớp học.





MÔ HÌNH THIẾT KẾ SƯ PHẠM ADDIE

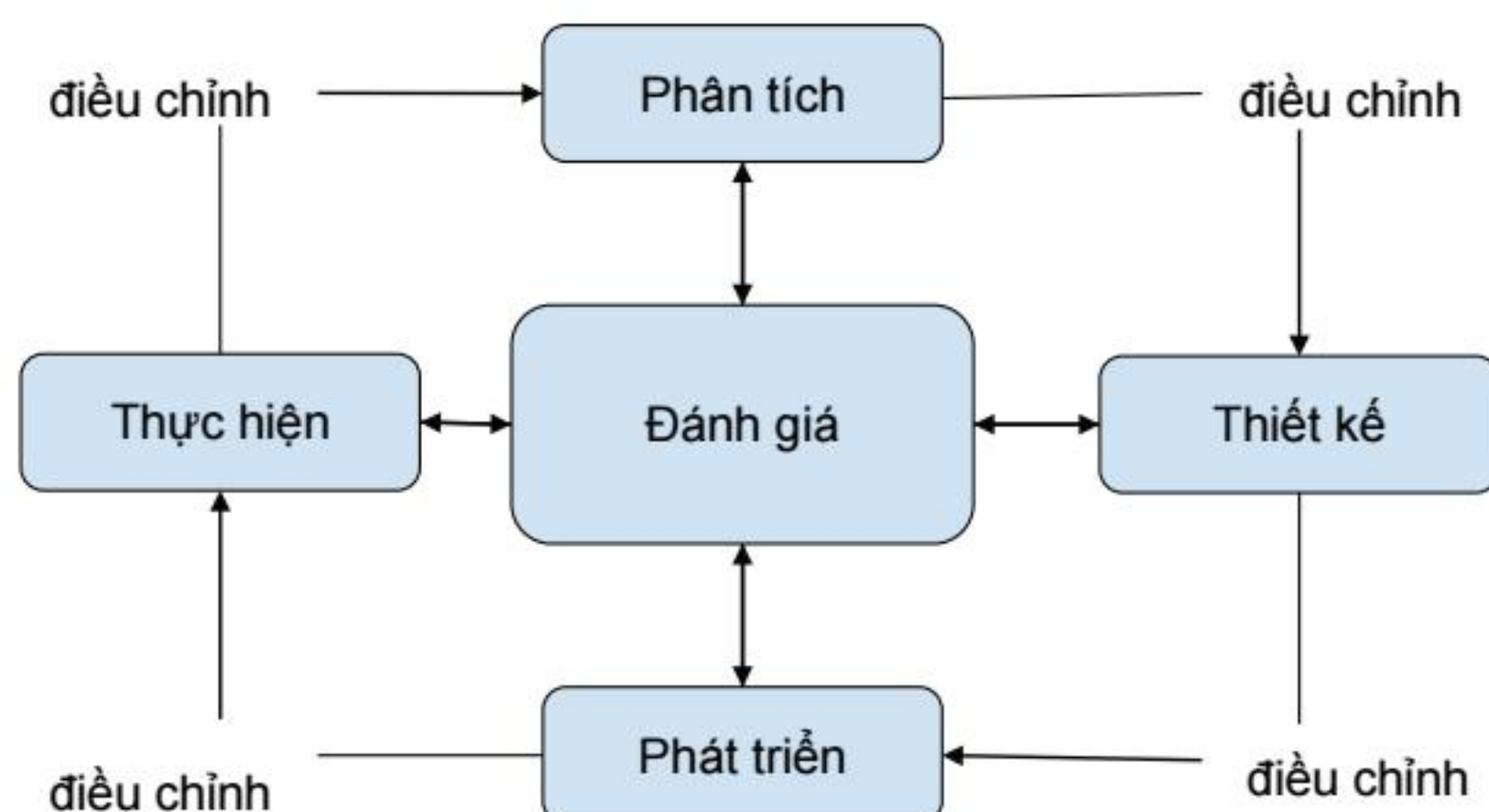
Serhat Kurt | Thu Nga dịch

Trước khi bắt đầu bài báo dưới đây, tôi nghĩ cần phải chú thích thêm: Ở Việt Nam, thường người dạy sẽ giữ luôn vai trò là người Thiết kế Sư phạm. Nhưng trên thực tế, Thiết kế Sư phạm (hay nói rộng ra là thiết kế khóa học, chương trình học) hoàn toàn có thể đảm nhiệm bởi một người/một nhóm làm việc riêng biệt, và trở thành một nghề riêng, bên cạnh nghề giảng viên. Điều này đặc biệt đúng trong các khóa học trực tuyến hoặc khóa học hỗn hợp cả hai hình thức trực tiếp trên lớp và trực tuyến.

Mô hình ADDIE

Từ nhiều năm nay, các nhà giáo dục và các nhà Thiết kế Sư phạm thường sử dụng phương

pháp Thiết kế Sư phạm ADDIE như một khuôn mẫu để thiết kế và phát triển các chương trình đào tạo. « ADDIE » là viết tắt của **A**nalyze-Phân tích, **D**esign-Thiết kế, **D**evelop-Phát triển/Sản xuất, **I**mplement-Thực hiện và **E**valuate-Đánh giá. Tuy nhiên, trình tự của các bước có thể thay đổi, không bắt buộc nhất nhất phải theo một trình tự tuyến tính nghiêm ngặt. Các nhà giáo dục, các nhà Thiết kế Sư phạm và phát triển chương trình đào tạo đánh giá cao phương pháp này vì các giai đoạn được xác định rõ ràng, tạo điều kiện cho việc thực hiện các công cụ đào tạo hiệu quả. Là một mô hình *Thiết kế Sư phạm* (Instructional Design – ID), mô hình ADDIE ngày càng được công nhận và sử dụng rộng rãi.



Mô hình thiết kế giảng dạy ADDIE¹

¹ Kruse, K. (2002). Introduction to instructional design and the ADDIE model. Retrieved January, 26, 2005.

Hầu hết các mô hình Thiết kế Sư phạm đều là biến thể của mô hình ADDIE.

Người ta có thể nghe đến khái niệm «Thiết kế Sư phạm (Instructional Design – ID) » từ những năm 1950 nhưng phải đến năm 1975 thì mô hình ADDIE mới được ra đời. Ban đầu, mô hình này được phát triển bởi Trung tâm Công nghệ Giáo dục của Quân đội Hoa Kỳ tại Trường Đại học bang Florida, sau đó được nhân rộng ra tất cả các nhánh của Lực lượng Vũ trang Hoa Kỳ.

Mô hình ADDIE được xây dựng dựa trên mô hình ID trước đó : **Phương pháp tiếp cận 5 bước** do Không quân Hoa Kỳ phát triển. Mô hình ADDIE giữ lại tính năng 5 bước này và thêm vào nhiều bước nhỏ trong mỗi giai đoạn. Do cấu trúc phân cấp của các bước, bước trước phải được hoàn thành trước khi chuyển sang bước tiếp theo.

Qua nhiều năm thực hiện, phương pháp này đã có một vài chỉnh sửa và cải tiến so với nguyên bản. Điều này giúp cho mô hình mềm dẻo và linh hoạt hơn. Chính vào giữa những năm 1980 mà phiên bản gần giống với mô hình ngày nay xuất hiện. Ngày nay, có thể thấy ảnh hưởng của mô hình ADDIE trong hầu hết các mô hình Instructional Design (Thiết kế Sư phạm) hiện hành.

Các giai đoạn của mô hình ADDIE



Năm thành phần của Mô hình ADDIE là:

Analysis – Phân tích

Giai đoạn Phân tích có thể được coi là “Giai đoạn Thiết lập Mục tiêu, mục đích”. Ở giai đoạn này, người Thiết kế Sư phạm tập trung vào đối tượng chính của bài giảng : người học. Điều đó có nghĩa là bài giảng, chương trình học tạo ra phải phù hợp với trình độ kiến thức, kỹ năng của người học. Điều này đảm bảo những gì người học đã biết sẽ không bị trùng lặp và thay vào đó, trọng tâm của bài, chương trình sẽ tập trung vào các chủ đề, bài học mà người học chưa được học, chưa được khám phá. Người thiết kế tách biệt rõ ràng giữa những gì người học đã biết và những gì người học chưa biết và cần phải biết sau khi hoàn thành môn học.

Một vài thành phần/nguồn thông tin chủ chốt có thể được sử dụng để đảm bảo việc phân tích được thấu đáo, kỹ lưỡng, ví dụ như sử dụng văn bản, tài liệu, giáo trình và mạng Internet liên quan đến khóa học. Cấu trúc bài học có thể được hình thành sau quá trình tìm hiểu các khóa học trực tuyến có nội dung liên quan trên mạng. Đây cũng có thể là xương sườn đầu tiên của giáo trình bài giảng cần xây dựng. Vào cuối giai đoạn này, chúng ta sẽ xác định được chủ đề nào, nội dung nào sẽ được đưa vào bài giảng. Nhìn chung, giai đoạn Phân tích này nhằm để giải quyết các vấn đề, trả lời các câu hỏi sau :

1. Đối tượng tham gia vào khóa học chủ yếu là ai ? Đặc điểm điển hình của đối tượng này là gì ? Mục tiêu học tập, trình độ học vấn, kinh nghiệm, lứa tuổi, sở thích, trình độ văn hóa, v.v. Các thông tin liên quan đến đặc điểm cá nhân và học tập cần phải được xác định càng rõ ràng càng tốt.
2. Khi khóa học/ bài giảng kết thúc, người học cần phải hoàn thành được những gì ? Nhu cầu của người học là gì?
3. Để theo học được khóa học/ bài giảng này, người học cần phải đáp ứng yêu cầu gì (kỹ năng, trình độ học vấn, hoạt động, tâm lý,

v.v) ? Sau khóa học, các kết quả học tập mong muốn đạt được là gì (kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi, v.v.) ?

4. Xác định các phương pháp phổ biến được sử dụng xung quanh chủ đề và xem xét những gì cần phải được phát triển và cải thiện thêm. Xem lại các phương thức, cách thức giảng dạy hiện đang được sử dụng liệu có sử dụng trong hoàn cảnh giáo dục này được ko. Nếu được, những khía cạnh nào cần được thêm vào, làm rõ và/hoặc cải thiện?
5. Xác định mục tiêu của khóa học/bài giảng. Khóa học / bài giảng tập trung vào mục tiêu giảng dạy nào?
6. Xác định các khả năng có thể liên quan đến môi trường học tập. Môi trường học tập tốt nhất có thể là gì? Cần có sự kết hợp giữa các cuộc thảo luận trực tiếp và trực tuyến? Ưu điểm và nhược điểm của việc học trực tiếp trên lớp học và việc học trực tuyến là gì? Khả năng nào khả thi nhất ? Môi trường học tập nào sẽ được ưa thích hơn? Nên học trực tuyến hay nên học trực tiếp trong lớp học hay kết hợp cả hai ? Nếu lựa chọn trực tuyến thì kết quả học tập có bị thay đổi so với học trực tiếp không ? Nếu có, sự khác nhau đó là gì ?
7. Xác định những thách thức, khó khăn cản trở việc thực hiện mục tiêu tổng thể của dự án. Với nguồn lực hiện tại, những hạn chế nào đang tồn tại : về mặt kỹ thuật, về mặt thời gian, nhân lực hay tài chính...?

Design – Thiết kế

Giai đoạn này thiết lập tất cả các mục tiêu và công cụ phân tích chủ đề, nội dung, đánh giá, nâng cao hiệu suất, lập kế hoạch và xác định nguồn lực. Trong giai đoạn thiết kế, quan trọng nhất là mục tiêu học tập, nội dung, bài tập, kế hoạch bài học, các công cụ đánh giá và các công cụ thực hiện, hỗ trợ bài giảng.

Cách tiếp cận trong giai đoạn này cần phải có hệ thống với một quá trình tuần tự các bước từ nhận dạng/ xác định, phát triển và đánh giá hợp lý các chiến lược hoạch định nhằm đạt được các mục tiêu của khóa học. Nó phải tuân theo một bộ quy tắc rất cụ thể và mỗi yếu tố của kế hoạch chỉ dẫn phải được thiết kế/ thực hiện với sự chú ý đến từng chi tiết. Quan tâm đến từng chi tiết là rất quan trọng cho sự thành công của giai đoạn thiết kế. Cách tiếp cận có hệ thống này đảm bảo rằng mọi thứ đều nằm trong một chiến lược (hoặc tập hợp các chiến lược) hợp lý và có kế hoạch, có mục tiêu cuối cùng là đạt được các mục tiêu của dự án. Trong giai đoạn thiết kế, những người thiết kế khóa học, bài học cần xác định:

1. Các loại phương tiện media khác nhau nào sẽ được sử dụng trong bài giảng. Âm thanh, video và hình ảnh là những ví dụ chính. Cần tạo ra những tài liệu học tập nào ? Có sử dụng tài liệu học tập của bên thứ ba hay không ?
2. Các nguồn lực khác nhau cần thiết để hoàn thành dự án là gì và đâu là nguồn lực có sẵn?
3. Mức độ và loại hoạt động giáo dục được thực hiện trong quá trình học tập : hoạt động nhóm, hoạt động tương tác hay hoạt động dựa trên cơ sở tình nguyện của mỗi người tham gia?
4. Với cách tiếp cận của người dạy, làm thế nào để thực hiện các phần của bài giảng (tức là theo chủ nghĩa hành vi - *behaviorism*, hay thuyết kiến tạo *constructivism*, v.v.)?
5. Khung thời gian cho từng hoạt động học tập. Và trong từng hoạt động, bao nhiêu thời gian cho mỗi nhiệm vụ, và cách học sẽ như thế nào (ứng với từng bài học, chương, mô-đun, v.v.)? Cách trình bày của chủ đề bài giảng sẽ theo một tiến trình tuyến tính nhất định (tức là từ dễ đến khó)?
6. Các quá trình nhận thức khác nhau mà

người học cần huy động để đạt được các mục tiêu của bài học. Người học cần có/ theo các kỹ năng, nhận thức gì để đạt được mục tiêu học tập của bài học?

7. Kiến thức và kỹ năng cần đạt được sau mỗi nhiệm vụ. Làm thế nào để kiểm tra rằng người học đã đạt được kiến thức, kỹ năng này? Phương pháp sử dụng là gì?
8. Lộ trình học tập cần được ghi lại rõ ràng trên giấy. Nó sẽ có lợi cho người Thiết kế Sư phạm vì đã tạo ra một bản đồ ghi lại tất cả hoạt động khác nhau nhằm kiểm tra xem liệu chúng có phù hợp với mục tiêu của bài học không?
9. Nếu bài giảng dựa trên nền tảng web (trực tuyến), giao diện nào sẽ được sử dụng cho người học? Bạn đã có một ý tưởng về trang web sẽ như thế nào chưa?
10. Cơ chế phản hồi nào sẽ được sử dụng để xác định xem người học có theo được bài học hay không. Cơ chế nào để thu thập phản hồi của người học về tài liệu học?
11. Vì mỗi người có một phương pháp, cách thức học khác nhau, phương pháp nào sẽ được sử dụng để đảm bảo rằng chương trình học phù hợp với mong muốn của họ? Các hoạt động dự án sẽ được thiết kế như thế nào để thu hút được nhiều nhất có thể tất cả các phong cách và sở thích học tập đa dạng của người học? Trong bài giảng, có nhiều tùy chọn và tài liệu học tập dưới các dạng phương tiện thông tin (media) khác nhau không?
12. Ý tưởng chủ đạo của bài giảng (hoạt động đào tạo).

Development – Phát triển/ Sản xuất

Giai đoạn Phát triển nghĩa là bắt đầu sản xuất và thử nghiệm phương pháp được sử dụng trong bài giảng. Trong giai đoạn này, người Thiết kế Sư phạm sử dụng dữ liệu thu thập được từ hai giai đoạn trước để tạo ra một chương trình đào tạo trong đó sẽ chuyển tiếp những gì cần được

dạy cho người học. Nếu hai giai đoạn trước đó thiên về động não, giai đoạn phát triển nghĩa là biến tất cả trên giấy thành hoạt động. Giai đoạn này bao gồm ba nhiệm vụ, cụ thể là soạn thảo, sản xuất và đánh giá.

Vì vậy, giai đoạn Phát triển tạo ra và thử nghiệm từng phần, từng yếu tố một của bài giảng. Giai đoạn này nhằm mục đích giải quyết các câu hỏi sau đây:

1. Khung thời gian để sản xuất các tài liệu học cần thiết cho bài giảng có được tuân thủ không? Các tài liệu học có được tạo ra theo đúng như lịch trình dự kiến không?
2. Tinh thần làm việc nhóm / Tinh thần đồng đội bao trùm mỗi thành viên trong nhóm sản xuất? Các thành viên trong nhóm có hoạt động hiệu quả không?
3. Mỗi thành viên trong nhóm có đóng góp theo khả năng tối ưu của họ không?
4. Các tài liệu học tập được tạo ra theo đúng như dự định, đáp ứng yêu cầu không ?

Implementation – Thử nghiệm/ Thực hiện

Giai đoạn Thử nghiệm hay Thực hiện cũng đồng nghĩa với việc sửa đổi liên tục bài học để đảm bảo thu được hiệu quả tối đa và kết quả tích cực. Ở giai đoạn này, người Thiết kế Sư phạm cố gắng vừa tiến hành, vừa cập nhật và chỉnh sửa khóa học để đảm bảo rằng khóa học diễn ra tốt đẹp, hiệu quả. Từ khóa của giai đoạn này là “Tuân theo quy trình”, trong đó vai trò trung tâm là của người Thiết kế Sư phạm : làm việc với người học, người dạy, lập trình viên, v.v. Phần lớn công việc thực tế được thực hiện ở giai đoạn này vì người Thiết kế Sư phạm và người học làm việc cùng nhau trong các buổi tập huấn sử dụng các công cụ mới, để việc Thiết kế Sư phạm có thể được đánh giá liên tục nhằm cải thiện hơn nữa. Không có khóa học nào nên được tiến hành mà không có sự tham gia của người Thiết kế Sư phạm/khóa học đó vì giai đoạn này thu được nhiều phản hồi từ cả người

thiết kế và người học, nhiều điều, nhiều vấn đề có thể được học và giải quyết.

Đánh giá công việc thiết kế trước đây và sau này cũng được thực hiện trong giai đoạn này : Đánh giá đúng về sản phẩm (bài học, khóa học hoặc chương trình) đi kèm với các sửa đổi cần thiết và kịp thời. Người thiết kế đóng một vai trò tích cực, quyết định sự thành công của dự án. Lập trình viên thì cần phân tích, phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm. Tất cả đều cần được giám sát cẩn thận, tỉ mỉ. Vai trò của người dạy và người học đương nhiên không thể bỏ qua : Khi người dạy và người học tích cực đóng góp trong quá trình này, sửa đổi có thể thực hiện tức thì thì dự án càng hiệu quả và thành công hơn.

Sau đây là những ví dụ về những gì có thể được xác định:

1. Tư vấn về phương pháp lưu trữ hồ sơ, cũng như dữ liệu ghi lại trải nghiệm của người học trong khuôn khổ dự án và làm thế nào các dữ liệu này giúp cho việc cải thiện, nâng cao chất lượng bài học.
2. Phản hồi của người dạy và người học ngay từ lúc đầu nghe giới thiệu dự án là gì? Họ có thực sự quan tâm, háo hức, phê phán hay phản đối?
3. Khi bài học, khóa học được tiến hành, chủ đề, nội dung có được nắm bắt ngay lập tức hay cần phải có sự trợ ?
4. Trong quá trình thử nghiệm, khi gặp lỗi thì cần phải đối phó như thế nào ? Sau khi giới thiệu hết các hoạt động cho người học, mọi việc không diễn ra như mong muốn thì cần phải làm gì ?
5. Trong trường hợp báo lỗi, bài giảng trực tuyến không chạy được thì có sẵn công cụ sao lưu chưa ? Khi các vấn đề kỹ thuật và các vấn đề khác phát sinh, đã có phương án sao lưu chưa?
6. Việc thử nghiệm sẽ được tiến hành ở quy mô nhỏ hay quy mô lớn?

7. Khi người học nhận được tài liệu học tập, họ có thể làm việc độc lập, hay cần phải có hướng dẫn, trợ giúp gì khác ?

Evaluation – Đánh giá

Giai đoạn cuối cùng của phương pháp ADDIE là Đánh giá. Đây là giai đoạn kiểm tra tỉ mỉ về tất cả những điều đã được thực hiện (hoặc không được thực hiện) của toàn bộ dự án (vấn đề gì, nội dung gì, như thế nào, tại sao lại thế v.v.). Giai đoạn này có thể được chia thành hai phần: Đánh giá Quá trình và Đánh giá Kết quả. Đánh giá ban đầu thực sự xảy ra trong giai đoạn Phát triển / Sản xuất. Đánh giá Quá trình xảy ra cả trong khi người học và người Thiết kế Sư phạm đang trong giai đoạn Thử nghiệm, trong khi Đánh giá Kết quả xảy ra ở cuối chương trình. Mục tiêu chính của giai đoạn Đánh giá là để xác định xem các mục tiêu đã đạt được chưa, và để thiết lập những yêu cầu tiếp theo nhằm nâng cao hiệu quả và tỷ lệ thành công của dự án.

Thật ra, mọi giai đoạn của mô hình ADDIE đều liên quan đến Đánh giá Quá trình. Đây là một thành phần đa chiều và thiết yếu của mô hình ADDIE. Việc đánh giá được thực hiện trong suốt giai đoạn Thực hiện/ Thử nghiệm với sự trợ giúp của người dạy và người học, còn đánh giá Kết quả tổng kết diễn ra sau khi khóa học kết thúc. Trong suốt giai đoạn đánh giá, người thiết kế nên xác định xem các vấn đề liên quan đến chương trình đào tạo có được giải quyết hay không và liệu các mục tiêu mong muốn có được đáp ứng hay không.

Mặc dù thường bị bỏ qua với lý do thời gian hoặc tài chính, trên thực tế Đánh giá là một bước quan trọng trong toàn bộ mô hình ADDIE vì nó nhằm mục đích trả lời các vấn đề, câu hỏi sau đây:

1. Thiết lập các yếu tố, hạng mục đánh giá tính hiệu quả của dự án (ví dụ: cải thiện việc học tập, tăng động lực.v.v.). Những yếu tố hoặc tiêu chí nào quyết định hiệu quả của dự án?
2. Xác định cách thức, phương pháp cũng như thời gian cho việc thu thập dữ liệu hiệu quả. Khi nào thì dữ liệu liên quan đến hiệu quả tổng thể của dự án sẽ được thu thập và làm thế nào để thu thập?
3. Xác định một hệ thống/cách thức để phân tích phản hồi của người tham gia.
4. Xác định phương pháp được sử dụng nếu một phần của chương trình học/ bài học cần phải được thay đổi trước khi phổ biến rộng rãi. Cơ sở, yếu tố nào cho phép quyết định sửa đổi một số khía cạnh của dự án trước khi phổ biến rộng rãi?
5. Xác định phương pháp đánh giá mà trong đó quan sát được độ tin cậy và giá trị nội dung của các tiêu chí.
6. Xác định phương pháp trong đó có hướng dẫn rõ ràng. Làm thế nào để đánh giá được sự rõ ràng của các hướng dẫn?
7. Xác định phương pháp có thể phân tích và đánh giá phản hồi của những người tham gia dự án.
8. Xác định ai sẽ là người nhận được kết quả cuối cùng liên quan đến dự án. Ai là người sẽ chuẩn bị báo cáo về kết quả đánh giá?



© pixabay

LÝ THUYẾT VÙNG PHÁT TRIỂN GẦN VÀ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

© tes.com

Nguyễn Minh Thành

Proximal Development)

“What a child can do today with assistance, she will be able to do by herself tomorrow”

Lev Vygotsky

Trong lĩnh vực Tâm lý học Phát triển, nếu Jean Piaget được ví như “người khổng lồ” đã đặt nền móng cho việc nghiên cứu về sự sinh triển chức năng tâm thần của con người từ lúc sinh ra cho tới lúc biến tan về cát bụi thì Lev Vygotsky được coi là “chàng Mozart trẻ tuổi của Tâm lý học”. Lev Vygotsky (1896–1934) dù chỉ nghiên cứu trong địa hạt tâm lý học trong khoảng 10 năm cuộc đời mình đã để lại cho hậu thế sau này những công trình đồ sộ, được đánh giá là 1 trong những dòng lý thuyết không thể bỏ qua khi nghiên cứu về Tâm lý học nói chung và Ngôn ngữ, Giáo dục nói riêng đó là: Thuyết Văn hoá – Xã hội độc đáo của mình. Những tác phẩm của Vygotsky hiện đã được dịch ra tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Ý, Việt Nam, Trung Quốc... để phục vụ công tác nghiên cứu những tư tưởng, gợi ý sâu sắc của ông cho sự phát triển của các ngành khoa học xã hội.

I. Lý thuyết về Vùng phát triển gần (Zone of

1.1. Quan điểm của Lev Vygotsky về vai trò của môi trường xã hội với sự phát triển của trẻ em.

Khởi đầu, Vygotsky vốn được (và tự) coi mình là một nhà Tâm lý học phát triển. Ông phát triển lý thuyết của mình trong khi Jean Piaget đã nổi danh với Lý thuyết sinh triển trong cộng đồng các nhà Tâm lý học phương Tây. Mặc dù Vygotsky cùng chia sẻ quan điểm với Jean Piaget rằng sự phát triển các chức năng tâm thần của trẻ em mang tính biến động qua các thời kỳ tuổi và được xây dựng dựa trên sự chủ động và tò mò của đứa trẻ với các vấn đề phát sinh trong đời sống thông qua việc học tập và khám phá để đưa tới những hiểu biết, cấu trúc mới. Tuy nhiên Vygotsky không đồng ý với Piaget rằng sự phát triển này là có tính đồng nhất trong các nền văn hoá, Vygotsky cho rằng phải tính tới sự khác biệt trong cấu trúc xã hội – văn hoá, nơi mà chủ thể sống và tương tác sẽ ảnh hưởng đến quá trình phát triển tâm lý của họ, do đó ông tập trung nghiên cứu của mình vào khía cạnh này. Một trong những đóng góp nổi bật của Lev Vygotsky cùng với Lý thuyết Văn hoá – Xã hội của

ông đó là việc ông cho rằng người lớn là 1 nguồn tài nguyên quan trọng trong quá trình phát triển của trẻ em. Vygotsky (1978) đã phát biểu rằng một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng quá trình học hỏi của trẻ đó là sự tương tác với những người hiểu biết hơn (More Knowledgeable Other-MKO). Lý thuyết này của ông được gọi là Lý thuyết về Vùng phát triển gần (Zone of Proximal Development-ZPD). Theo một nghiên cứu tổng hợp tài liệu của Wertsch, J. V. (1984) ý tưởng về ZPD của Vygotsky đã được đưa vào các bài kiểm tra trí thông minh, trí nhớ và giải quyết vấn đề. Hiện nay lý thuyết về Vùng phát triển gần cũng là 1 trong những nội dung bắt buộc cho chương trình học cao học Tâm lý học Giáo dục ở rất nhiều nước như Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc, Đức và Việt Nam.... Bởi những đóng góp về mặt lý luận cũng như thực tiễn của nó vào công tác dạy học và giúp người học lĩnh hội kiến thức sâu sắc và mở rộng hơn.

1.2. Lý thuyết về người hiểu biết hơn (More Knowledgeable Other-MKO).

“Người hiểu biết hơn”, cụm từ này tự thân nó đã mang tính giải nghĩa. Khái niệm này đề cập đến một người có một sự hiểu biết tốt hơn hoặc một mức độ khả năng cao hơn người học, đối với một nhiệm vụ, quy trình hoặc khái niệm cụ thể (Saul McLeod, 2018).

Do bất đồng ngôn ngữ (phần lớn các tác phẩm của Vygotsky được viết bằng tiếng Nga) và sự giải thích chưa thực sự cặn kẽ của Vygotsky trong các tác phẩm của mình mà nhiều nhà nghiên cứu và thực hành đã mặc định MKO là người lớn mà quan trọng nhất là Giáo viên – Cha mẹ - Huấn luyện viên.... Tuy nhiên, hiện nay MKO được hiểu một cách mở rộng hơn rất nhiều. Người hiểu biết hơn có thể chính là bạn bè của trẻ, anh chị em trong nhà, anh chị khóa trên, hoặc là 1 cuốn sách hướng dẫn và thậm chí hiện nay đó là chiếc máy tính và điện thoại thông minh mà chúng ta sử dụng hàng ngày.

Ví dụ: Một đứa trẻ muốn học cách làm món bánh quy nướng. Đứa trẻ không thể hỏi Cha mẹ hay

Thầy cô của nó vì họ không có ở nhà. Đứa trẻ này chọn cách lên Google và tìm công thức làm bánh từ 1 nguồn tài liệu nấu ăn và hoàn thành món bánh quy thật thơm ngon. Ở đây cũng tồn tại một tranh cãi đó là “Liệu sách hướng dẫn, thiết bị điện tử được coi là công cụ hay MKO? Bởi đằng sau nó chẳng phải là 1 con người hoặc tập thể cụ thể nào tạo nên những phương tiện này ư?”.

Một mở rộng nữa về MKO đó là, đôi khi (không hiếm) trẻ em lại là MKO của người lớn trong 1 lĩnh vực cụ thể nào đó. Vậy MKO không được tính bằng yếu tố độ tuổi mà là yếu tố trưởng thành về mặt kiến thức, kỹ năng ở 1 lĩnh vực cụ thể nào đó.

Ví dụ: Chúng ta hãy thử nghĩ, ai sẽ là người có nhiều kiến thức, kỹ năng hơn trong việc chơi 1 trò chơi điện tử như Pikachu, Liên minh huyền thoại.... hoặc sử dụng thành thạo các công cụ điện tử thông minh; hoặc các kiến thức Âm nhạc thịnh hành (Pop, Rock, Hiphop), một đứa trẻ tuổi vị thành niên hay ông bà của chúng ở tuổi già???

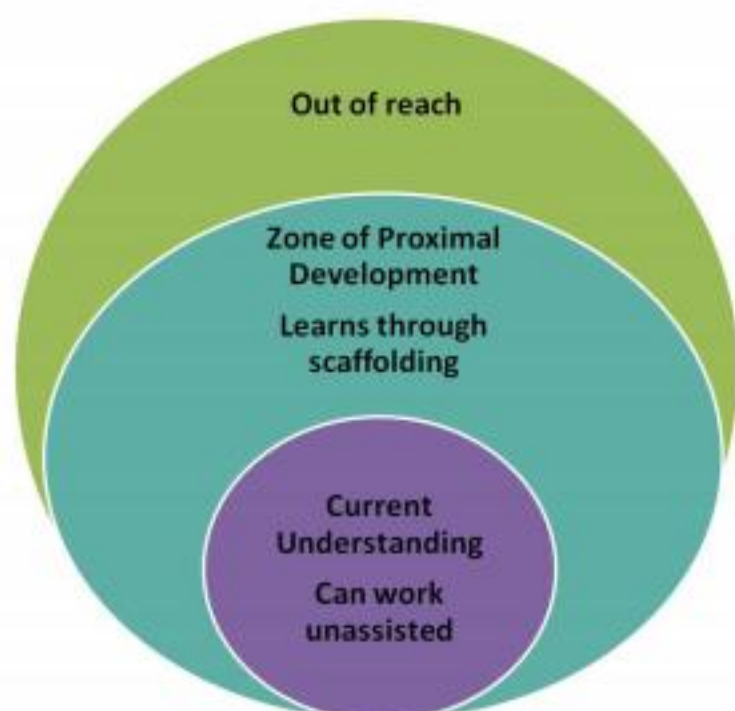
Vai trò của MKO trong giáo dục (đặc biệt là giáo viên) được tóm gọn bằng 4 ý chính sau đây trong công trình nghiên cứu của V. Mariage, Carol Sue Englert, M. A, T. (2000)

- (1) sử dụng đối thoại để thực hiện “bắc giàn” nhằm phát triển nhận thức của học sinh
- (2) nuôi dưỡng mối quan hệ đối thoại làm nền tảng cho bài giảng trong lớp học
- (3) sử dụng các phương pháp thuận lợi/hiệu quả để làm cho các quy trình phức tạp trở nên khả hữu/dễ dàng đối với sinh viên và cung cấp cho họ một ngôn ngữ (cách thức) để họ có thể diễn tả các phát ngôn hay văn bản của mình.
- (4) gia tăng việc chuyển đổi sự kiểm soát và trách nhiệm về phía học sinh để chúng tự điều chỉnh việc học của chính mình.

1.3. Vùng phát triển gần nhất (Zone of Proximal Development-ZPD).

Trong cuốn sách *Mind in Society: The Development of Higher Psychological Processes*, Vygotsky (1978) đã xác định ZPD là “khoảng cách giữa mức độ phát triển thực tế được xác định bởi việc giải quyết vấn đề một cách độc lập và mức độ phát triển tiềm năng được xác định thông qua giải quyết vấn đề dưới sự hướng dẫn của người khác hoặc phối hợp với bạn bè có năng lực hơn (MKO)”(tr. 86). Sự trợ giúp của MKO trong trường hợp này thông qua những kỹ thuật được gọi là “Bắc giàn giáo – Scaffolding”.

Zone of Proximal Development



Nguồn: vygotskysocialconstructivism.blogspot.com

Một ví dụ về Vùng phát triển gần được trình bày như sau:

An, năm nay 5 tuổi học lớp Mẫu giáo Lớn tại trường Mầm non. Tuần này lớp của An đang học về chủ đề “Các con vật trong nhà em” và bài học ngày hôm nay là “Vẽ lại một con vật trong nhà mà em thích”. Các bạn trong lớp bắt đầu vẽ những nét vẽ đầu tiên, sau khoảng 1/2 thời gian An cảm thấy phân vân và không tiếp tục vẽ nữa. Em gọi cô giáo lại và muốn được trợ giúp.

Giáo viên của An nhận thấy em đã vẽ những đường nét rất tỉ mỉ về chú Mèo của mình với đầy đủ Mặt, thân, 4 chiếc chân nhỏ nhắn tuy nhiên em vẫn đang loay hoay ở phần miệng và

phần sau của chú Mèo và không biết nên vẽ tiếp cái gì. Cô giáo hỗ trợ An trong việc nhận ra bộ phận tại miệng của Mèo được gọi là Ria mép, và phần sau chú Mèo có 1 chiếc đuôi bằng cách cho An xem lại hình ảnh 1 chú Mèo hoàn chỉnh và đặt các câu hỏi như “Ồ, vậy đây là cái gì của con Mèo nhỉ?”..... Với những gợi ý này An đã tự hoàn thành bức tranh của mình.

Trong trường hợp này, nhà giáo phát hiện vùng phát triển gần của trẻ để vẽ hoàn thiện hình ảnh 1 con Mèo (Ria mép, chiếc đuôi). An đã nhớ lại và hoàn thành chính xác các công việc khác và chỉ cần thêm sự trợ giúp của MKO (Giáo viên) để hoàn thiện bức tranh này.

II. Vai trò của Lý thuyết về Vùng phát triển gần trong giáo dục.

1. Vai trò của Nhà Giáo

Giáo dục của chúng ta hiện nay chịu ảnh hưởng rất lớn từ học thuyết Vùng phát triển gần của Lev Vygotsky, nơi mà chúng ta cung cấp các nguồn tài nguyên cả về Con người với đội ngũ Giáo viên chất lượng cao; hay vật chất với các thiết bị điện tử hiện đại, thông minh, hoặc trang bị hệ thống thư viện với hàng nghìn đầu sách từ chuyên ngành cho tới khoa học thường thức... nhằm phục vụ nhu cầu được trợ giúp về mặt khám phá kiến thức khoa học của người học.

Từ học thuyết Văn hoá – Xã hội và đặc biệt là Lý thuyết về vùng phát triển gần của Vygotsky đã là 1 trong những nền tảng xây dựng nên Thuyết kiến tạo trong Giáo dục, đồng thời học thuyết của ông cũng chính là 1 trong những ảnh hưởng lớn nhất tới Phương pháp giáo dục nổi danh thế giới Reggio Emilia với kim chỉ nam “Đưa trẻ là người chủ động tìm kiếm và xây dựng nên kiến thức của mình dưới sự hỗ trợ của môi trường xã hội”. Từ những gợi ý trong ZPD mà chúng ta có thể xác định vai trò của người giáo viên trong quá trình dạy học có thể tóm lược theo mô hình sau:



Bám sát theo ZPD, nhà giáo:

Thứ nhất: Phải là 1 người quan sát tinh tế và có năng lực đánh giá sự phát triển của học sinh cả về nhận thức – hành vi – tình cảm trong 1 giai đoạn tuổi cũng như trong từng tình huống, vấn đề học tập cụ thể. Người giáo viên phải xác định được Vùng phát triển gần của học sinh thông qua quan sát, đánh giá tư liệu học tập, sử dụng thang đo – bảng hỏi, đàm thoại... trên cơ sở đó để có sự trợ giúp kịp thời cho học sinh của mình đạt được Vùng phát triển đó 1 và tiến lên 1 Vùng phát triển mới.

Thứ hai: Nhà giáo là người đồng hành của học sinh trong diễn trình giáo dục. Quá trình dạy học theo ZPD không được hiểu theo nghĩa rời rạc là 1 tiết học hoặc 1 bài học, nó phải được gắn kết với nhau thành 1 diễn trình học tập, hay còn được gọi dưới cái tên Tiếp cận học tập theo dự án (Project-based learning) kết hợp với Tiếp cận học tập giải quyết vấn đề (Problem-based learning) và Tiếp cận hiện tượng học tập (Phenomenon-based learning). Vai trò của nhà giáo ở đây là luôn theo sát quá trình học tập của trẻ và xuất hiện kịp thời để trợ giúp khi học sinh cần để giúp trẻ giải quyết vấn đề còn tồn tại mà trong đó Giáo viên đóng vai trò là 1 MKO hoặc nâng vấn đề học tập của trẻ lên 1 tầm cao mới khi chúng đã chuẩn bị sẵn sàng về cả kiến thức, kỹ năng và tâm thế. Quá trình học tập này diễn ra theo chu kỳ vòng tròn như sau:

1. Học sinh phát hiện vấn đề học tập, hoặc vấn đề học tập được đề xuất bởi Giáo viên

2. Việc học tập được trợ giúp bởi người khác
3. Học sinh tự thực hiện nhiệm vụ học tập được giao, dựa trên sự giúp đỡ từ trước đó
4. Học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập một cách chủ động
5. Học sinh tiến tới ZPD tiếp theo trong dãy ZPD

2. Vai trò của ZPD trong việc đề ra nhiệm vụ học tập cho học sinh

Những nghiên cứu đầy cảm hứng và nổi danh của nhà Tâm lý học Mỹ gốc Hungari Mihaly Csikszentmihalyi về lý thuyết Dòng chảy (Flow) đề cập tới cách làm thế nào mà một người giữ được trạng thái tập trung cao độ và thăng hoa trong công việc của mình là một liên kết rất hay để bàn về ZPD và vai trò của nó. Trong một số nghiên cứu, dòng chảy được gắn liền với sự cam kết và thành tích trong suốt những năm trung học phổ thông (Carli, Delle Fave, & Massimini, 1988; Mayers, 1978; Nakamura, 1988).

Jeanne Nakamura & Mihaly Csikszentmihalyi (2002) đã mô tả “Trạng thái dòng chảy là một loại cân bằng động. Việc nhập vào dòng chảy phụ thuộc vào việc thiết lập một sự cân bằng giữa năng lực hoạt động và cơ hội hành động nhận thức được. Cân bằng này về bản chất rất mỏng manh. Nếu thử thách bắt đầu vượt quá kỹ năng, một người sẽ trở nên thận trọng sau đó là lo lắng; nếu kỹ năng vượt quá mức độ của thử thách, người đó sẽ thư giãn và sau đó cảm thấy tẻ nhạt. Sự chuyển đổi trong trạng thái chủ quan cung cấp các phản hồi về mối quan hệ đang thay đổi đối với môi trường. Trải nghiệm sự lo lắng hoặc chán chường ép buộc một người phải điều chỉnh kỹ năng hoặc thử thách để thoát khỏi trạng thái khó chịu và quay trở lại dòng chảy”

Vậy ZPD đóng vai trò gì ở đây?

Việc học tập dựa trên ZPD có nghĩa là nhà giáo sẽ giao cho học sinh những nhiệm vụ vừa đủ tính thú vị lại vừa có tính thách thức. Nhà giáo xác định ZPD của học sinh, từ đó để đưa ra các vấn đề học tập hoặc tạo môi trường để học sinh tự khám phá và phát hiện vấn đề cần tìm hiểu.

Nếu không xác định được điểm phát triển của học sinh chúng ta sẽ rất dễ dạy học “chạy theo chương trình” và đưa ra những nhiệm vụ quá dễ hoặc quá khó cho học sinh của mình, vô tình kéo lùi độ tuổi phát triển của trẻ hoặc gia tăng áp lực học tập cho các em. Mihaly và cộng sự của ông đã dựa trên lý thuyết về ZPD của Vygotsky mà đưa ra 1 gợi ý về việc giao nhiệm vụ đó là “Việc học tập diễn ra chỉ nên vượt 1 bước ra ngoài những kỹ năng mà 1 người đã thành thạo” (DAVID J. SHERNOFF AND MIHALY CSIKSZENTMIHALYI, 2009). Việc giao nhiệm vụ học tập được khuyến khích nhất rơi vào vùng KỸ NĂNG CAO – THỬ THÁCH CAO và có sự hướng dẫn, trợ giúp từ các nguồn tài nguyên khác (MKO).

III. Kết luận

Lev Vygotsky chỉ vắn vẹn sống 38 năm và hoạt động trong lĩnh vực Tâm lý học khoảng 10 năm nhưng những gì mà ông để lại cho chúng ta tiếp tục nghiên cứu tới bây giờ là những công trình có giá trị lớn lao. Vygotsky cũng nổi lên như là 1 điểm sáng của Tâm lý học Xô Viết, những lý thuyết của ông tiếp tục được tìm hiểu sâu rộng bởi các học giả từ Phương Tây đến Đông Phương và nhất là việc áp dụng chúng vào trong Giáo dục. Những kiến thức từ người xưa trải qua các thời kỳ đều được xem xét lại và nhận xét dưới cái nhìn của thời đại mới, đúng như những gì mà Vygotsky từng đề xuất về sự ảnh hưởng của văn hoá xã hội lên sự phát triển của 1 con người, và lý thuyết của ông cũng không là một ngoại lệ. Việc am hiểu về ZPD là một khuyến nghị hấp dẫn và cần thiết đối với những ai đang tìm hiểu và thực hành nghề giáo để có thêm nền tảng soi rọi lại công việc của mình cũng như đánh giá chuẩn xác quá trình tiếp xúc với trẻ để có những sự hướng dẫn, cộng tác chất lượng nhất với học sinh của chúng ta.

Tài liệu tham khảo:

Carli, M., Delle Fave, A., & Massimini, F. (1988). The quality of experience in the flow channels: Comparison of Italian and U.S. students. In M. Csikszentmihalyi &

I. Csik- szentmihalyi (Eds.), *Optimal experience* (pp. 288–306). Cambridge, England: Cambridge University Press.

David J. S., & Mihaly C., (2009). *Flow in Schools: Cultivating Engaged Learners and Optimal Learning Environments*. Handbook of Positive Psychology in Schools. Taylor & Francis e-Library, 2009.

Jeanne Nakamura and Mihaly Csikszentmihalyi (2002). *The Concept of Flow*. Handbook of Positive Psychology. OXFORD UNIVERSITY PRESS, 2002.

Massimini, F., & Carli, M. (1988). The systematic assessment of flow in daily experience. In M. Csikszentmihalyi & I. Csikszentmihalyi (Eds.), *Optimal experience* (pp. 266–287). Cambridge, England: Cambridge University Press.

Mayers, P. (1978). *Flow in adolescence and its relation to school experience*. Unpublished doctoral dissertation, University of Chicago.

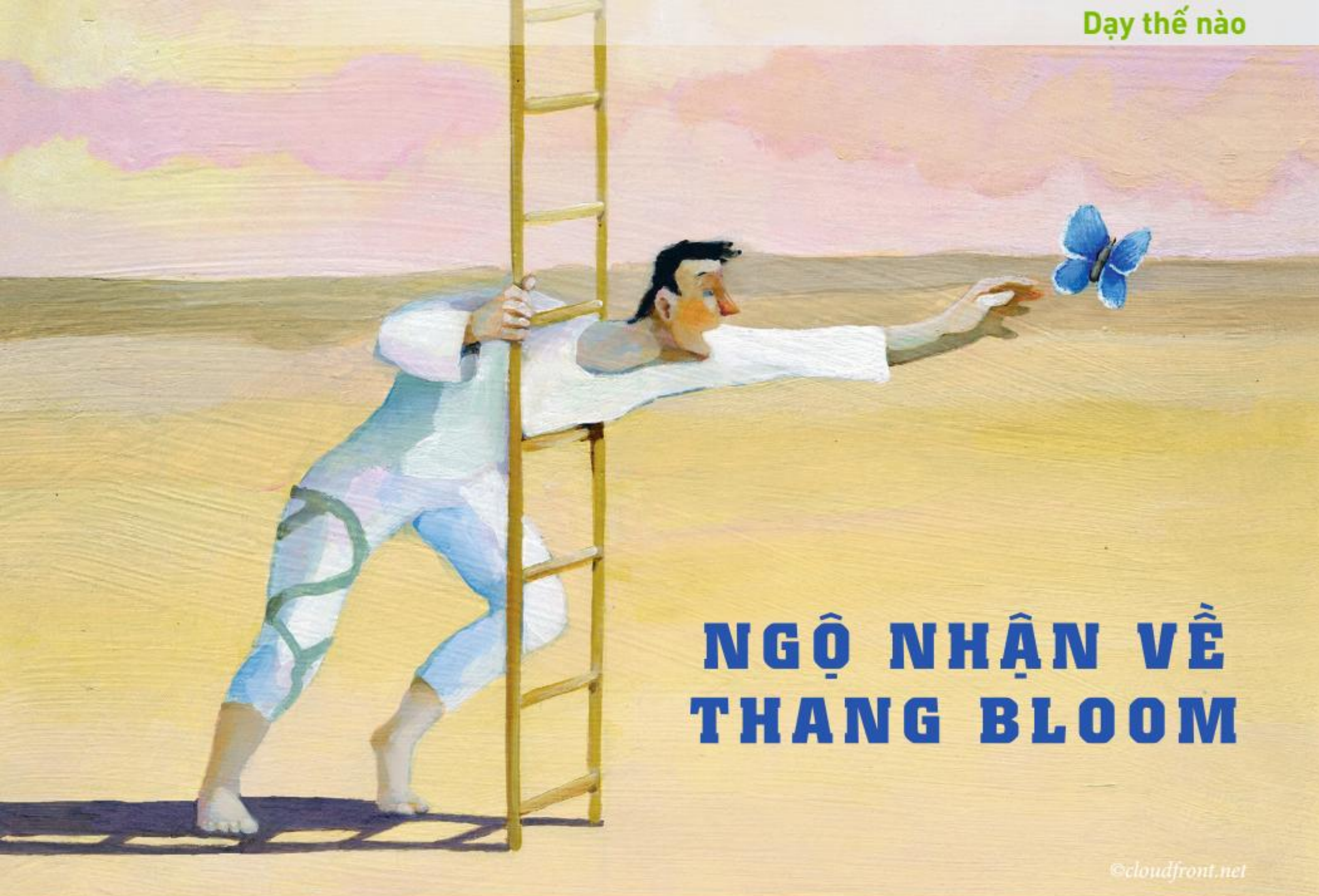
McLeod, S. A. (2018, Aug 05). Lev Vygotsky. Retrieved from <https://www.simplypsychology.org/vygotsky.html>

Nakamura, J. (1988). Optimal experience and the uses of talent. In M. Csikszentmihalyi & I. Csikszentmihalyi (Eds.), *Optimal experience* (pp. 319–326). Cambridge, England: Cambridge University Press.

V. Mariage, Carol Sue Englert, M. A, T. (2000). THE TEACHER AS “MORE KNOWLEDGEABLE OTHER” IN ASSISTING LITERACY LEARNING WITH SPECIAL NEEDS STUDENTS. *Reading & Writing Quarterly*, 16(4), 299–336.

Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in Society: the Development of Higher Psychological Processes*. Cambridge, MA: Harvard University Press.

Wertsch, J. V. (1984). The zone of proximal development: Some conceptual issues. *New Directions for Child and Adolescent Development*, 1984(23), 7–18.



©cloudfront.net

Ron Berger | Diệu Nguyễn dịch

Giả dụ bạn muốn học một điều gì đó mới. Có thể là làm mộc, tạo thuật toán, tập yoga hay chơi ghi-ta. Bạn hẳn có lẽ sẽ một chuyên gia và xem mẫu (gặp trực tiếp hoặc xem trực tuyến). Bạn sẽ nghiên cứu các ví dụ mẫu để tìm ra mục tiêu, cách luyện tập, sao chép cách làm, nhờ chuyên gia hướng dẫn và sửa lỗi sai cho bạn. Học và thực hành là hai khía cạnh không thể tách rời nhau: Khi bạn cố gắng tạo hình cho thanh gỗ, viết một thuật toán, chỉnh tư thế yoga hay lướt ngón tay tạo nên giai điệu, bạn sẽ nhận được phản hồi từ chính các giác quan của bản thân, từ bạn học và từ các chuyên gia đào tạo. Bạn cải thiện bản thân, đồng thời được bồi đắp thêm kiến thức chuyên sâu. Những từ ngữ chuyên môn hơn của những lĩnh vực này hẳn cũng được tiếp thu từ các thầy cô chuyên gia trong quá trình bạn thực hành.

Bạn có muốn tách rời giữa học tập và thực hành?

Bạn hẳn sẽ không muốn ngồi một chỗ trên bàn hàng tháng trời chỉ để nghe về các dụng cụ làm mộc hay dụng cụ âm nhạc mà không được sờ tay vào chúng. Bạn cũng chẳng bao giờ muốn ghi nhớ 100 tư thế yoga từ một quyển sách mà lại không thực hành trên một tấm thảm. Chà, nhưng trải nghiệm của học sinh ở trường học lại như thế đấy.

Thang Bloom năm 2011 (*)



Nguồn: Vanderbilt University Center for Teaching

Phần lớn giáo viên được dạy cách sử dụng Thang Bloom trong dạy học. Được công bố bởi Benjamin Bloom và đồng nghiệp vào năm 1956 (sau đó được điều chỉnh lại vào năm 2001 bởi một nhóm các nhà nghiên cứu, tâm lý học và chuyên gia xây dựng chương trình học), Thang Bloom về các cấp độ nhận thức đã trở nên quen thuộc với rất nhiều giáo viên và những nhà lãnh đạo trường học: Một kim tự tháp sắp xếp các mục tiêu học tập theo thứ tự từ chân lên đỉnh: Ghi nhớ, Hiểu, Ứng dụng, Phân tích, Đánh giá, và Sáng tạo.

Thang cũ hay bản điều chỉnh mới đều có đóng góp to lớn trong giáo dục. Nó nhắc nhở mỗi hoạt động giáo dục (xây dựng chương trình, thiết kế kế hoạch đánh giá, đào tạo giáo viên hay giảng dạy học sinh) đều phải tập trung vào các kỹ năng đó. Những lớp học thiếu sự phong phú của tri thức khiến học sinh đánh mất nền tảng thiết yếu và góp phần gây ra khoảng cách giữa tri thức và bình đẳng tại Hoa Kỳ ngày nay. Ngược lại, các lớp học chỉ tập trung vào kiến thức, học vẹt trong khi thiếu hoạt động ứng dụng, phân tích và sáng tạo lại dẫn tới một thách thức khác. Thực trạng này dẫn tới 2 lớp của một hệ thống giáo dục, trong đó, một nhóm học sinh tới từ các gia đình giàu có được chuẩn bị để trở thành những nhà trí thức và lãnh đạo, trong khi những đứa trẻ khác được đào tạo chỉ để vượt qua các bài thi đánh giá kỹ năng cơ bản như học thuộc lòng. Do đó, thang Bloom là một minh họa hữu ích nhấn mạnh một sự cân bằng lành mạnh mà học sinh cần.

Không may mắn thay, theo kinh nghiệm của tôi (Ron Berger, nd), thang Bloom cũng gây ra nhiều hệ quả không mong muốn. Trong suốt 40 năm làm việc cùng giáo viên, tôi nhận ra rằng: Thang Bloom khiến cho cách nhìn nhận của giáo viên về việc học bị phân cấp phân quyền. Đầu tiên, chúng ta cần ghi nhớ kiến thức, sau đó là hiểu, rồi tiến tới ứng dụng chúng, và rồi cứ

thế đến bước cuối cùng mới được phép đánh giá hoặc sáng tạo. Dựa trên từng bước đi cụ thể, giáo viên, trường học và chính quyền địa phương soạn ra các chương trình đào tạo, thiết kế các bài giảng tách biệt hẳn những kỹ năng này và cho rằng học sinh phải thành thạo một kỹ năng trước khi rèn kỹ năng bậc cao hơn.

Ứng dụng rời rạc và tách biệt các kỹ năng của thang Bloom trong học tập không phải là ý định sâu xa của tác giả. Tuy nhiên, cách hiểu sai này đang ngày càng phổ biến. Trên thực tế, việc ghi nhớ, hiểu và ứng dụng không diễn ra tuần tự. Chúng ta xây dựng hiểu biết một phần thông qua hoạt động ứng dụng và sáng tạo.

Nền giáo dục phải trả giá quá lớn bởi vì hiểu lầm này. Học sinh bị giữ lại ở một “bậc” trong kim tự tháp giả tưởng bởi vì chúng ta nghĩ rằng chúng chưa sẵn sàng tới “cấp độ cao hơn”. Ví dụ, nhiều người Mỹ trưởng thành chỉ thành thạo đến toán tiểu học bởi vì đã quên phần lớn kiến thức toán trung học phổ thông. Chúng ta nhớ các bước làm bài thi nhưng chúng ta không bao giờ áp dụng nó vào cuộc sống, không bao giờ hoàn toàn hiểu hoặc sử dụng chúng.

Những ngày này tôi vinh dự được làm việc cùng với những ngôi trường hiểu được mối liên hệ không thể tách rời giữa học tập và thực hành. Trong những trường học liên kết với EL Education (một mạng lưới các trường tư và trường công nơi tôi làm Giám đốc Học thuật) và rất nhiều trường học như thế trên khắp cả nước, học sinh hào hứng tham gia các hoạt động thực hành ý nghĩa bên cạnh giờ học. Chúng thực hành như những nhà khoa học hay sử gia, nghiên cứu môi trường địa phương hay các di tích lịch sử để làm ra các sản phẩm hữu ích cho cộng đồng, như là một cuốn sách hướng dẫn, một bản báo cáo chất lượng nước, một cuốn sách về lịch sử địa phương. Các tiết học thuần cung cấp kiến thức vẫn diễn ra, nhưng chúng không phải dành cả

năm trời chỉ để ghi nhớ ngày tháng hay dữ liệu chỉ để vượt qua bài kiểm tra. Chúng đang thực học nội dung, phân tích dữ liệu, bồi đắp hiểu biết về các vấn đề địa phương và các lĩnh vực rộng hơn của khoa học và lịch sử; và đồng thời cũng sáng tạo và cống hiến cho xã hội.

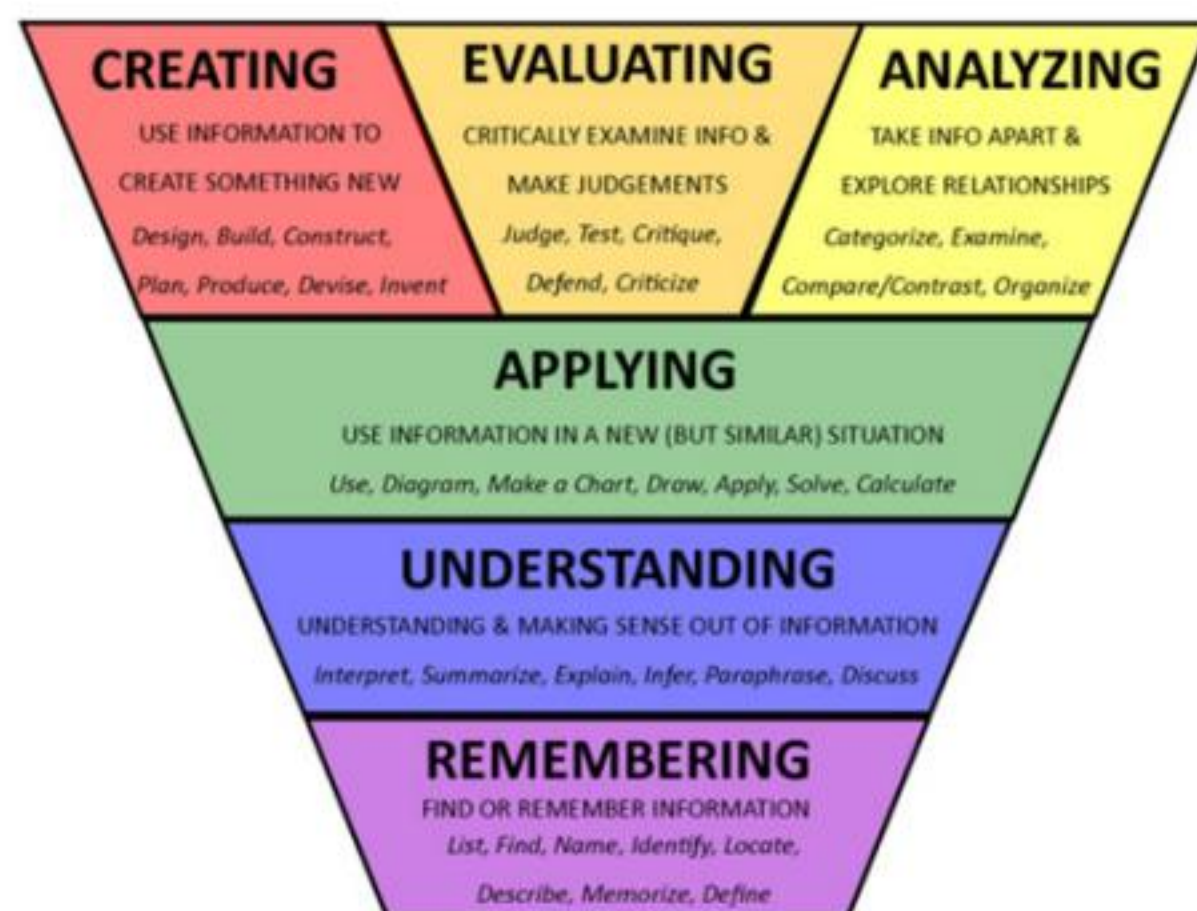
Khi học sinh hào hứng ứng dụng tri thức để xây dựng những vẻ đẹp và giá trị như một phần của quá trình học tập, thành quả mang lại vượt xa hiểu biết sâu rộng mà chúng thu được. Khi đó, chúng được bồi đắp thêm động lực, niềm tự hào và kỹ năng thủ công hay lao động. Khi bước chân vào thị trường lao động, suốt đời, chúng sẽ không phải đối mặt với những đánh giá dựa trên điểm số mà là đạo đức, nhân cách và năng lực làm việc. Nếu học sinh không được xây dựng một tiêu chuẩn lao động chất lượng cao khi còn ngồi trên ghế nhà trường (có thể hiểu là xuất sắc trong những gì mà chúng tạo ra), vậy thì khi nào chúng mới bồi đắp đạo đức nghề nghiệp này?

Hiện nay tôi đang làm việc với nhiều trường cấp 3 trong mạng lưới thuộc khu dân cư thành thị thu nhập thấp. Học sinh từ các trường này phần lớn ra trường đúng hạn và mỗi đứa trẻ đều đỗ vào một trường đại học. Tôi thường được hỏi rằng bí kíp của chúng tôi là gì? Và làm thế nào điều này có thể xảy ra? Thực tế thì chẳng có bí mật nào ngoài sự chăm chỉ cả. Nhưng có một điều đặc biệt: Học sinh ở những ngôi trường này liên tục tạo ra những tác phẩm đẹp và tinh xảo. Chúng hiểu sâu kiến thức, có tiêu chuẩn cao với lao động và sứ mệnh của chúng rất rõ ràng.

Ron Berger là Giám đốc Học thuật của EL Education, một mạng lưới phi lợi nhuận về cải tiến trường học. Sống tại Amherst, Mass., ông là một diễn giả đồng thời tác giả của 6 đầu sách về giáo dục và từng dạy ở một trường công trong vòng 25 năm.

(*) Theo người dịch:

Mới đây Trung tâm Derek Bok về Giảng dạy và Học tập (The Derek Bok Center for Teaching and Learning) của ĐH Harvard đã đề xuất một thang Bloom mới¹ (như hình dưới).



Khung mới này được đưa ra cũng nhằm xóa bỏ một ngộ nhận có thể có khi diễn giải hai thang cũ. Ngộ nhận đó là kỹ năng sáng tạo chỉ chiếm một phần nhỏ (đỉnh tam giác) trong khi phần lớn thời gian lại dành để thuần tập trung vào ghi nhớ kiến thức. Do vậy, khung Bloom mới có dạng hình phễu, nhấn mạnh tầm quan trọng của các kỹ năng bậc cao, và các kỹ năng bậc cao hơn đòi hỏi khả năng thực hành hoặc thậm chí thành thạo các kỹ năng bậc thấp hơn. Đặc biệt trong đó, phân tích, đánh giá và khả năng sáng tạo được đặt ngang hàng ở trên cùng.

¹ Thang Bloom mới do Trung tâm Derek Bok ĐH Harvard đề xuất: <https://bokcenter.harvard.edu/taxonomies-learning>

DẠY CON KIỂU ĐỘC ĐOÁN VÀ NHỮNG HỆ QUẢ

Trung Hà

Ghi chú: Bài viết dựa trên những thành quả nghiên cứu và kết luận từ các bài báo khoa học về lối dạy con của người Trung Quốc. Vì việc thu thập dữ liệu về việc dạy con ở các nước châu Á khá khó, những dữ liệu thu thập được trong các bài nghiên cứu sẽ bao gồm những phỏng vấn từ phụ huynh Trung Quốc ở Trung Quốc và ở Mỹ, mạn phép lấy đó làm đại diện cho đại đa số cách dạy con của các phụ huynh ở châu Á nói chung.

Theo phân loại của Baumrind (1971), có 3 phương pháp dạy con chính trên thế giới: Độc đoán (xuất hiện nhiều ở các gia đình châu Á), dân chủ (lối dạy con phổ biến ở các gia đình phương Tây), và Dễ dãi.

Độc đoán: cha mẹ cố gắng định hình, kiểm soát và đánh giá con cái trên những chuẩn mực mang tính tuyệt đối của mình. Cha mẹ yêu cầu con cái phải tôn trọng, biết tuân lệnh, biết thứ bậc của mình. Sự trao đổi công bằng giữa cha mẹ và con cái là một điều cấm kỵ.

¹ Châu Á ở đây được khoanh vùng bởi những nước có nền văn hóa tương tự với Trung Quốc, trong đó có Việt Nam. Dữ liệu ở các nước khác không được dồi dào và đầy đủ nên người viết chưa đề cập tới.

Dân chủ: cha mẹ có những tiêu chuẩn rõ ràng cho con cái, đối xử với con cái như một người trưởng thành. Cha mẹ áp dụng biện pháp kỷ luật khi cần thiết. Luôn khuyến khích sự tự lập cá nhân của con. Cởi mở trong giao tiếp với con cái. Khuyến khích sự công bằng, và sự tôn trọng về quyền lợi của cả hai bên (cha mẹ và con cái).

Dễ dãi: cha mẹ chịu đựng và chấp nhận những phản ứng tùy hứng của con cái. Rất ít khi sử dụng kỷ luật với con, để con tự quyết định hành vi của mình.

Những phân tích dưới đây sẽ nói tới ảnh hưởng của 3 lối dạy con này trên nhiều khía cạnh phát triển của trẻ.

1. Thành tích học tập.

Theo nghiên cứu, cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình đóng vai trò tối quan trọng trong sự phát triển của trẻ, không chỉ về mặt học tập mà còn cả về cảm xúc và giao tiếp xã hội. Ở phương Tây, phụ huynh thường cho rằng thành tích học tập của con cái là do khả năng bẩm sinh của con. Ngược lại, ở châu Á, do ảnh hưởng nặng nề của Nho giáo, phụ huynh đều tin rằng kể cả xuất phát điểm khác nhau, trẻ em vẫn luôn có thể đạt được thành tích học tập tốt nếu chăm chỉ và nỗ lực, và rằng giáo dục sẽ tạo cơ hội

tiến tới một cuộc sống tốt đẹp hơn. Cũng chính bởi vì thế, về vấn đề học tập, trong khi cha mẹ phương Tây thường khuyến khích con cái học nỗ lực nhưng vẫn để chúng tự do phát triển theo thiên hướng của cá nhân, thì cha mẹ châu Á thường đặt ra những chuẩn mực rất cao trong học tập, dành nhiều thời gian quan tâm tới việc học của con và bắt con cái họ phải bằng mọi giá đạt được những chuẩn mực ấy.

Trong bài viết “Tại sao các bà mẹ Trung Quốc lại uy quyền tới vậy”, Amy Chua – tác giả cuốn sách “Bản trường ca của bà mẹ hổ²”, đưa ra quan điểm rằng, để có kết quả thật tốt thì phải học thật nhiều, làm bài thật nhiều, và rèn luyện thật nhiều. Và vì lũ trẻ con sẽ chỉ thích chơi hơn thích học, không nhìn ra được tầm quan trọng của việc rèn luyện ấy, nên phụ huynh sẽ phải là người ép chúng vào khuôn khổ. Bà chia sẻ thời khóa biểu dày đặc của hai cô con gái, cùng những kỷ luật thép như:

- Không được ngủ lại nhà bạn.
- Không có ngày nào được nghỉ.
- Không được tham gia đóng kịch ở trường.
- Không được phàn nàn về việc trên.
- Không được xem tivi hay chơi điện tử.
- Không được tự lựa chọn hoạt động ngoại khóa.
- Không được có điểm nào dưới điểm A
- Không được xếp hạng thứ 2 trở xuống trong tất cả các môn trừ Thể Dục và Đóng Kịch.
- Không được chơi bất cứ nhạc cụ nào ngoài piano và vi-ô-lông.
- Ngày nào cũng phải luyện tập chơi piano hoặc vi-ô-lông.

Bà cũng chia sẻ thẳng thắn rằng bà đã chê bai con gái bà khi cô bé mãi không đánh nổi một bài piano cho tử tế, và mắng nhiếc cô là “rác rưởi” mỗi khi con bé hỗn với bà. Bà tin rằng việc làm cho con cái cảm thấy xấu hổ về bản thân khi đạt

được thành tích không tốt sẽ đem lại động lực để chúng cố gắng hơn. Ngược lại, bà luôn sẵn lòng trao những lời khen có cánh cho con mỗi khi chúng làm được điều gì đó như bà mong muốn. (Không khó để các độc giả có thể tự liên hệ tới bản thân khi đọc tới đây đúng không?)

Không thể phủ nhận rằng lối dạy con kiểu Độc đoán của bố mẹ châu Á quả thực đem lại những kết quả học tập đáng ngưỡng mộ. Rất nhiều trẻ em châu Á, và trẻ em sinh ra ở nước ngoài có bố mẹ là người châu Á đều đứng hàng top ở những môn học tự nhiên như Toán, Lý, Hóa, Sinh. Thậm chí ở Mỹ, nhắc tới học sinh/sinh viên châu Á, người ta thường nghĩ tới những miêu tả như “Trường Luật/Y Harvard”, “giỏi Toán”, “chăm chỉ”. Câu hỏi nên đặt ra ở đây là: giỏi có đồng nghĩa với việc chúng thực sự yêu thích những gì chúng đang làm? Và chúng có thực sự hiểu những gì mình đang làm hay không? Một trong những sự khác biệt giữa dạy con kiểu Dân Chủ và Độc Đoán là, ở phương pháp Dân Chủ, cha mẹ khuyến khích con cái tự tìm tòi năng lực và sở thích của bản thân, sau đó khuyến khích con dùng động lực đó để phát triển. Còn ở phương pháp Độc Đoán, cha mẹ gần như không quan tâm tới thiên hướng của con cái, mà bắt ép chúng phải phát triển theo hướng mà cha mẹ tin rằng sẽ đem lại thành công cho con trong tương lai. (Có lẽ đó là lý do giải thích cho xu hướng đi theo Luật (làm luật sư) hay Y (làm bác sĩ) của con cái có bố mẹ là người châu Á).

Cha mẹ Độc Đoán sẽ không cho phép con cái tự tạo động lực cho mình, bởi họ không tin tưởng hay tôn trọng ý kiến của mấy đứa trẻ non nớt. Đó cũng là quan điểm phản bác lại lối dạy của Amy Chua của giáo sư Jim Taylor trong bài blog trên báo Psychology Today mang tên “Dạy con: những điều những người mẹ Trung Quốc đang làm sai”.

Jim cũng phản bác lại việc chê bai con cái khi

² Bà mẹ hổ: thuật ngữ của phương Tây ám chỉ những bà mẹ châu Á có kỷ luật thép với con cái mình

chúng làm điều gì đó chưa tốt, càng phản đối kịch liệt gọi con cái là “rác rưởi” ngay cả khi chúng hỗn, bởi nó đi ngược lại với lý thuyết Tư Duy Phát Triển, được giới thiệu bởi nhà tâm lý học Carol S. Dweck vào năm 2006. Lý thuyết về Tư Duy Phát Triển/Cố định nói rằng, nếu cha mẹ luôn chỉ trích con cái khi chúng “thất bại” – tức không đạt đúng những gì cha mẹ mong đợi – và chỉ dành lời khen khi chúng hoàn thành tốt công việc, thì con cái sẽ bị rơi vào bẫy của Tư Duy Cố Định: sợ thất bại, không dám vượt ra khỏi vùng an toàn của mình, không dám thử thách bản thân (vì không muốn nhận lời chê bai), và nếu mắc sai lầm, chúng sẽ ngay lập tức coi đó là giới hạn của mình, rằng mình là kẻ thua cuộc và không bao giờ dám đứng lên nữa.

Diana Tsui, cô con gái duy nhất của một gia đình Trung Quốc nhập cư ở Mỹ chia sẻ trong bài blog *Người mẹ hổ đã khiến tôi mắc phải tội tày đình: không trở thành người con gái hoàn hảo*: “Tôi luôn phải sống trong nỗi sợ hãi rằng tôi sẽ thất bại: không nằm trong top 10% của lớp (đại học Y Harvard)... Vào những bài kiểm tra khó hơn, tôi thường căng thẳng tới độ tới nỗi tôi sẽ chảy mồ hôi lạnh hay ù cả tai.... Mỗi khi có người hỏi tôi câu “Tại sao bạn lại muốn trở thành bác sĩ?”, tôi lại tự động đưa ra câu trả lời mẫu đã được chuẩn bị từ trước như một con robot “rằng tôi muốn giúp mọi người”. Nhưng tôi biết sự thật không phải thế, rằng thực ra tôi chỉ đang sống theo chuẩn mực của bố mẹ tôi về một đứa con lý tưởng mà thôi”.

Khác với Độc Đoán, lối dạy Dân Chủ, lối dạy con phổ biến của cha mẹ phương Tây lại luôn trao tặng những lời khen cho con cái họ, dù chúng có đạt điểm B đi chăng nữa. Đương nhiên, khi con cái họ đạt điểm thấp, cha mẹ Dân Chủ vẫn sẽ cùng ngồi lại với con và chỉ ra cho con những điều chúng có thể tiến bộ hơn, nhưng họ rất cẩn trọng trong việc lựa chọn từ ngữ khi nói về điểm yếu của con cái. Một trong những câu nói phổ

biến của cha mẹ Dân Chủ là “Sai cũng không sao. Miễn là con nhìn thấy yếu điểm và sửa nó là được”. Đó mới chính là lối tư duy được khoa học chứng minh là tốt nhất cho sự phát triển của trẻ - Tư Duy Phát Triển (Sanford, Herbert, Philip, Donald & Michael, 1987). Trong học tập, cha mẹ Dân Chủ luôn khuyến khích con cái khám phá cái mới, dạy con cách chào đón những thất bại, và đưa ra những chỉ dẫn theo từng bước nhỏ để đưa con cái đi đúng hướng. Ngược lại, lối dạy con theo kiểu Độc Đoán chỉ đưa ra đích đến và gây sức ép lớn, bắt con cái phải đạt được mà không đưa cho chúng những công cụ để đi được tới đích đến đó. Điều này là con cái của cha mẹ Độc Đoán dễ trở nên căng thẳng, áp lực, ảnh hưởng tới sự tiếp thu và tư duy trên lớp, đem lại kết quả học tập kém, và từ đó lại bị cha mẹ Độc Đoán gây thêm nhiều sức ép và chỉ trích hơn. Đó là một vòng luẩn quẩn mà con cái của cha mẹ Độc Đoán thường rất khó thoát ra (Qi & Hong, 1997).

Theo các nghiên cứu đã thực hiện từ trước tới giờ, lối dạy con Độc Đoán thường có liên quan tới việc điểm số thấp của con cái. Tuy nhiên, vẫn có tương đối lượng học sinh châu Á (nơi được cho là có lối dạy con Độc Đoán khá phổ biến) nằm trong top đầu của bảng xếp hạng ở các trường đại học và cấp 3 ở Mỹ. Hiện các nhà nghiên cứu vẫn chưa đưa ra được lý do cụ thể cho hiện tượng này, nhưng một số chuyên gia dự đoán rằng, những trẻ có thành tích tốt ấy là những người con hoàn toàn nghe theo mà không có chút phản kháng nào với bố mẹ Độc Đoán. Và dù có thành tích học tập tốt thì, với những số liệu đã được chứng minh, những đứa trẻ có cha mẹ Độc Đoán vẫn chịu những ảnh hưởng nhất định ở các mặt khác.

2. Mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái

Cũng trong bài viết “Tại sao các bà mẹ Trung Quốc lại uy quyền tới vậy”, Amy Chua đã đưa ra quan điểm về thái độ của con cái đối với cha

mẹ như sau: “Con cái mắc nợ cha mẹ cả đời”. Bên cạnh sức ảnh hưởng từ bài học Nho giáo về lòng hiếu thảo, còn có một thực tế rằng cha mẹ châu Á đã phải rất vất vả để kiếm tiền nuôi nấng con và cho con ăn học. Vì thế họ nghĩ rằng con cái sẽ phải dành suốt cả cuộc đời để trả công cha mẹ bằng việc nghe lời và làm họ tự hào. Vì lẽ đó, họ coi Có lẽ cũng chính vì lẽ đó, họ cho rằng thành tựu của con là thước đo thể hiện công sức mình đã bỏ ra, cũng chính là lòng tự trọng của mình. Lỗi suy nghĩ này cũng là nguồn cội của việc cha mẹ châu Á áp đặt giấc mơ về thành công của mình lên chính con cái họ mà quên đi ước mơ thực sự của con cái. Với văn hóa “giữ thể diện” ở châu Á, cha mẹ châu Á tin tưởng rằng họ biết nhiều hơn con cái, và những gì họ biết luôn-đúng, nên họ rất hiếm khi thừa nhận mình sai trước con cái. Và một khi họ đã tin rằng họ biết những gì là tốt và không tốt cho con, thì tất cả những gì con cái họ muốn làm mà rơi vào chuẩn “không tốt” của họ đều sẽ bị cấm đoán. Cũng chính vì quá tin tưởng rằng những ngôn ngữ tiêu cực trong những lời chỉ trích, chê bai sẽ đem lại cho con cái họ động lực để phấn đấu tốt hơn, cha mẹ châu Á hầu như không bao giờ nói lời yêu thương trực tiếp với con cái. Một phần khác giải thích cho hiện tượng đó là do trong văn hóa châu Á, biểu thị yêu thương lộ liễu vẫn còn là một điều gì đó không phù hợp, nhất là với thế hệ cha mẹ truyền thống. Trong bài viết “Tại sao cha mẹ Trung Quốc không nói Cha/mẹ yêu con”, Candice Chung nói rằng, không phải cha mẹ châu Á không yêu con, mà là do cách thể hiện của họ khác. Và vì họ mặc định rằng con cái của họ cũng sẽ biểu hiện tình cảm như vậy – bằng hành động thay vì lời nói – nên khi những đứa con thử nói “Con yêu cha mẹ” thì các phụ huynh đều rất ngạc nhiên, “thậm chí còn nghi ngờ có gì đó không hay đã xảy ra”. Tất cả những điều trên tạo ra một rào cản khá lớn trong mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái ở châu Á, khiến con cái cảm nhận một sức ép vô hình ngay khi bước vào nhà.

Những áp lực bắt-chấp-mong-muốn-của-con-cái từ cha mẹ châu Á dễ sản sinh ra sự ảm ức, thậm chí sợ hãi, nơi con cái mỗi khi tiếp xúc với cha mẹ mình. Việc cha mẹ không thừa nhận sai, cũng như ý kiến của con cái không được lắng nghe càng làm cho mâu thuẫn giữa con cái và cha mẹ trở nên gay gắt. Đặc biệt, trong thời đại ngày nay, khi trẻ em có thể dễ dàng kết nối với Internet - một thế giới mở, được tiếp xúc với nhiều kiến thức mới được bình luận dưới nhiều góc độ, thì định hình về cái tôi của trẻ thường bắt đầu sớm hơn trước, mạnh mẽ hơn so với các thế hệ trước, thời mà việc tuyệt đối nghe lời cha mẹ như được lập trình sẵn vào bộ não của mỗi người con.

Về vấn đề này, trái ngược với cha mẹ châu Á, cha mẹ phương Tây lại cho rằng “Con cái không lựa chọn được sinh ra. Cha mẹ mới là người chọn sinh ra chúng. Vì thế trách nhiệm nuôi nấng con cái của cha mẹ là đương nhiên. Con cái không nợ cha mẹ điều gì hết. Sau này lớn lên chúng cũng sẽ phải có trách nhiệm với con cái của chúng.” Quan điểm đó được thể hiện qua sự tự do cha mẹ phương Tây trao cho con cái trong việc đưa ra những quyết định cá nhân. Họ vẫn sẽ có những chỉ dẫn nhất định để hướng con không bị sa vào những con đường xấu, nhưng vẫn sẽ tôn trọng lựa chọn của con miễn là con đi đúng hướng. Nếu có dịp ra các nước phương Tây điều dễ bắt gặp ở những nơi công cộng là cha/mẹ kiên nhẫn giải thích tại sao con nhỏ không nên làm điều gì đó bằng việc đưa ra hậu quả có thể xảy ra nếu chúng làm điều đó, để rồi cho chúng tự quyết định hành động sau cùng của mình. Văn hóa “giữ thể diện” ở phương Tây không sâu sắc như ở châu Á, nên con trẻ phương Tây được dạy nói “xin lỗi”, “cám ơn” ngay từ nhỏ nên khi lớn lên, cha mẹ cũng sẽ dễ dàng nói những câu nói đó với con cái của mình. Là một đặc tính của lối dạy Dân chủ, cha mẹ phương Tây nhấn mạnh tính công bằng trong giao tiếp, và cũng rất cởi mở trong việc

thể hiện tình cảm của mình với con cái, ngay cả khi chúng lớn. Tất cả những điều trên giúp trẻ em cảm thấy được tôn trọng, an toàn và thoải mái hơn trong việc tâm sự, trao đổi với cha mẹ về những vấn đề chúng gặp phải ở trường lớp hay trong đời sống mà không sợ bị đánh giá hay chèn ép.

Nhược điểm của lối dạy con kiểu Dân Chủ này là cha mẹ cần có một sự kiên nhẫn rất lớn cũng như biết dẹp bỏ cái tôi để có thể giải thích mọi thứ cho con trẻ và chấp nhận quyết định của chúng, đặc biệt là ở giai đoạn trẻ đang tầm tuổi mới lớn, bắt đầu có những ý kiến độc lập (nhưng non nớt). Trẻ được dạy theo lối dạy này thường dễ có cơ hội để ‘nổi loạn’ hơn, là mặt trái của việc chúng được tự do đưa ra quan điểm của mình. Tôi có duyên được ở chung với một gia đình người Úc một thời gian, và được quan sát cách họ dạy 2 đứa con của họ, 1 đứa 10 tuổi và 1 đứa 15 tuổi. Tôi thấy thú vị nhất là khi bạn tôi (mẹ hai đứa) dạy đứa con trai 15 tuổi của mình. Bạn tôi là một con chiên ngoan đạo, và luôn mong muốn con mình cũng theo đạo, vì “Tôi nhận được rất nhiều lợi ích và những điều tốt đẹp từ việc theo đạo, nên tôi mong con mình cũng vậy”. Tuy nhiên, cậu con trai, qua những gì cậu tìm tòi và học hỏi được từ Internet, quyết định cậu sẽ trở thành người vô thần. Khi nghe cậu nói về quyết định đó, bạn tôi có vẻ thoáng tiếc nuối, nhưng cô không buồn, và nói rằng cô tôn trọng quyết định đó của con. Có những lúc xảy ra mâu thuẫn giữa 2 mẹ con, cậu con trai có những hành động hay lời nói vượt quá giới hạn do cơn giận dữ, bạn tôi sẽ nói “Con bắt đầu đi quá giới hạn rồi đó. Hiện giờ con đang không bình tĩnh, lên phòng đi. Tới khi nào con bình tĩnh lại thì chúng ta sẽ nói chuyện”. Điều tôi thấy khâm phục ở cô bạn là cô nói được những lời đó ngay cả khi cô cũng đang rất giận dữ. Cô đã lựa chọn không xả cơn giận đó lên con, mà đã cho cả hai một khoảng thời gian để lắng xuống và sau đó nói chuyện trên tinh thần xây dựng và

công bằng. Là một người châu Á, tôi vừa thấy shock, vừa thấy ngưỡng mộ cách dạy con như vậy.

3. Sự phát triển về mặt xã hội của con trẻ

Như đã nói ở trên, lối dạy con kiểu Độc Đoán dễ sản sinh ra Tư Duy Cố Định, và kiểu Dân Chủ sẽ sản sinh ra Tư Duy Phát Triển nơi con trẻ. Hai lối tư duy này không chỉ ảnh hưởng tới thành tích học tập trong nhà trường, mà còn cả tới con đường phát triển về mặt cá nhân của trẻ em trong sự tương tác với xã hội.

Theo nghiên cứu của tiến sĩ Rebecca trường đại học kĩ thuật Nanyang, Singapore năm 2006, trẻ em có bố mẹ Dân Chủ có sự tự tin vào năng lực bản thân và nhanh chóng thích ứng với các môi trường xã hội hơn con cái của bố mẹ Độc Đoán. Một thí nghiệm khác được tiến hành trên 263 học sinh tiểu học ở Singapore cũng cho thấy trẻ em có cha mẹ Độc Đoán thường quá nghiêm khắc với bản thân tới mức độ cầu toàn. Thí nghiệm này cho trẻ vào một phòng có với sự hiện diện của cha mẹ chúng trong đó. Trẻ được yêu cầu chơi những trò chơi ghép hình, và cha mẹ được gợi ý rằng họ có thể vào giúp đỡ con họ bất cứ lúc nào họ thấy cần thiết, còn các nhà nghiên cứu thì ghi chép lại những quan sát của họ. Kết quả thí nghiệm như sau: cha mẹ Độc Đoán thậm chí còn “tự tay rút lại mảnh ghép của con và đặt lại vị trí đúng”, trong khi cha mẹ Dân Chủ sẽ “ngồi cạnh con, đặt ra những câu hỏi định hướng trẻ tới câu trả lời đúng”. Kết quả này khá tương đồng với sự phân tích về cách yêu con của cha mẹ Độc Đoán và cha mẹ Dân Chủ bên trên. Cha mẹ Độc Đoán yêu con bằng hành động và đưa ra quyết định họ-cho-là-tốt nhất cho con, còn cha mẹ Dân Chủ gợi ý, định hướng và cho con tự quyết định.

Sự can thiệp này tưởng như không có ảnh hưởng gì khi trẻ con nhỏ, nhưng khi lớn lên, trẻ có cha mẹ Độc Đoán thường mất đi khả năng tự

đưa ra quyết định trong những tình huống mới do đã quen với sự can thiệp của cha mẹ. Chúng cũng thường lựa chọn những phương án an toàn, những công việc chúng biết chắc là chúng sẽ làm tốt, thay vì thử thách những mảng việc mới như những đứa trẻ có cha mẹ Dân Chủ hay làm.

Khi không có sự bảo bọc của cha mẹ, trẻ em quen với lối dạy Độc Đoán thường cảm thấy bị lạc lõng, không an toàn, không tự tin làm điều gì nếu không có sự đồng thuận hay giúp đỡ của cha mẹ. Ở nhiều trường hợp, sau khi tách ra ở riêng, trẻ em có cha mẹ Độc Đoán thường sống buông thả bởi không có sự tự chủ và những nguyên tắc cho bản thân, do từ nhỏ những thứ đó đã được bố mẹ đặt sẵn. Do không được dạy cách thể hiện cảm xúc một cách cởi mở, cũng như lo sợ “nói điều gì đó ngu ngốc” từ văn hóa Giữ thể diện, trẻ em có cha mẹ Độc Đoán cũng gặp khó khăn trong kĩ năng giao tiếp. Cha mẹ Độc Đoán thường yêu cầu trẻ làm điều mà chúng không thực sự muốn, nên sự kìm cựa này thường làm cho trẻ dễ trở nên nóng nảy hơn so với trẻ có cha mẹ Dân Chủ. Duy Cố Định cũng làm trẻ có cha mẹ Độc Đoán gặp bất lợi khi không biết cách chấp nhận thất bại – điều bình thường trong cuộc sống, từ đó dễ sinh ra những áp lực, căng thẳng không cần thiết nơi làm việc.

Ngược lại, trẻ được dạy theo lối Dân Chủ vốn được dạy tự đưa ra quyết định với những cân nhắc về hậu quả của mỗi quyết định từ bé, nên khi lớn lên, chúng tự lập hơn, sống có kỷ luật hơn, và kiểm soát bản thân tốt hơn về mặt cảm xúc. Chúng cũng cởi mở hơn trong giao tiếp ngay cả với người lạ, bởi chúng không bị sức ép về việc phải giữ một hình ảnh hoàn hảo trong mắt mọi người (lợi ích từ một tư duy Phát Triển), từ đó có thể nhanh chóng hòa nhập vào bất kì môi trường nào. Điều quan trọng là chúng biết cách nói “Không” khi cần thiết, Sự sáng tạo trong công việc của chúng cũng nhiều hơn,

nhờ được bố mẹ khuyến khích khám phá những điều mới từ khi còn nhỏ. Và một trong những ưu điểm lớn nhất của chúng, là việc biết tiếp thu và phát triển. Nếu làm điều gì đó sai, chúng sẽ vui vẻ chấp nhận thất bại, rút ra bài học và trở nên tốt hơn. Điều này biến trẻ được dạy theo lối Dân Chủ trở nên một cá nhân ngày một hoàn thiện hơn.

Kết luận

Lối dạy con kiểu Dân Chủ được nhiều chuyên gia nhận định là phương pháp dạy con tốt nhất hiện nay cho mọi mặt phát triển của trẻ. Con cái được dạy theo lối này luôn được khích lệ khám phá cái mới, được dạy cách chấp nhận thất bại và được diu dắt để phát triển tốt hơn. Bên cạnh đó, chúng cũng được ‘tập làm người lớn’ ngay từ khi còn nhỏ qua việc được khuyến khích đưa ra quan điểm (và được tôn trọng) cũng như tự quyết định những vấn đề của mình, nhờ thế chúng trở nên tự lập, cứng cáp và luôn dám đương đầu với thử thách. Có rất nhiều trong số những điều trên mà cha mẹ Độc Đoán có thể học hỏi được để giúp con trở thành một con người tốt hơn không-giới-hạn, thay vì là một sản phẩm được đúc trong một khuôn cố định có sẵn do người lớn tự đặt ra.

Tài liệu tham khảo:

Ang, R. (2006). Effects of parenting style on personal and social variables for Asian Adolescents. *American Journal Of Orthopsychiatry*, 76(4), 503-511. doi: 10.1037/0002-9432.76.4.503

Authoritarian parenting: What happens to the kids?. (2018). Retrieved from <https://www.parentingscience.com/authoritarian-parenting.html>

Chung, C. (2018). Why Chinese parents don't say I love you. Retrieved from <https://www.smh.com.au/lifestyle/life-and-relationships/why-chinese-parents-dont-say-i-love-you-20140304-341ws.html>

Dornbusch, S., Ritter, P., Leiderman, P., Roberts, D., & Fraleigh, M. (1987). The Relation of Parenting Style to Adolescent School Performance. *Child Development*, 58(5), 1244. doi: 10.2307/1130618

Hirata, H., & Kamakura, T. (2017). The effects of parenting styles on each personal growth initiative and self-esteem among Japanese university students. *International Journal Of Adolescence And Youth*, 23(3), 325-333. doi: 10.1080/02673843.2017.1371614

How Tiger Moms and hovering parents can damage a child's ability to cope with life's challenges. (2018). Retrieved from <https://www.scmp.com/lifestyle/families/article/1982993/how-tiger-moms-and-hovering-parents-can-damage-childs-ability>

M, K. (2018). Authoritarian Parenting: Its Characteristics And Effects On Children. Retrieved from https://www.momjunction.com/articles/what-is-authoritarian-parenting_00379619/#gref

Navuluri, B. (2018). Authoritative Parenting Style - Characteristics And Effects. Retrieved from https://www.momjunction.com/articles/what-is-authoritative-parenting_00376548/#gref

Wu, E. (2008). Parental Influence on Children's Talent Development: A Case Study with Three Chinese American Families. *Journal For The Education Of The Gifted*, 32(1), 100-129. doi: 10.4219/jeg-2008-826





NỀN TẢNG CỦA MỘT VĂN HÓA TRƯỜNG HỌC TỐT

Leah Shafer¹ | dainganxanh lược dịch

Nền tảng của văn hóa trường học tốt khởi đầu từ sự kết nối – cụ thể hơn là sự tương tác mạnh mẽ và bao quát giữa tất cả các thành viên trong cộng đồng nhà trường.

Hầu hết các lãnh đạo trường học đều nhận thức được văn hóa tổ chức là chìa khóa thành công của nhà trường. Họ nói trường mình có “văn hóa trường học tốt” khi giáo viên nhà trường có chung một tầm nhìn và học sinh của trường thành đạt, hoặc họ nói cần phải cải thiện “văn hóa trường học” khi số giáo viên bỏ việc hoặc sinh viên bị kỷ luật ngày càng nhiều.

Nhưng cũng giống như lãnh đạo của các tổ chức khác, lãnh đạo trường học thường khó có thể mô tả các yếu tố cần để xây dựng một nền văn hóa tích cực. Xác định ra các yếu tố chủ trọng đã khó, phân tích các thành phần của nó có thể khó hơn. Trong bối cảnh mà các kết quả hữu hình được quan tâm, như nâng cao điểm

thi và tỷ lệ tốt nghiệp, dễ đưa đến suy nghĩ rằng văn hóa trường học là điều quá mơ hồ để ưu tiên xây dựng.

“Đó là một sai lầm”, Ebony Bridwell-Mitchell - chuyên gia về lãnh đạo và quản lý giáo dục khẳng định. Bà giải thích rằng các nhà nghiên cứu về văn hóa đã cho thấy có mối tương quan mạnh mẽ giữa văn hóa tổ chức và hiệu suất của tổ chức. Một khi nhà lãnh đạo nắm được điều gì cấu thành nền văn hóa, khi họ thấy được nền văn hóa không phải là một khối mờ ảo vô hình mà là một điều có thể xác định và thiết kế được, khi đó họ có thể bắt đầu xây dựng tầm nhìn cho nền văn hóa.

Một nền văn hóa sẽ mạnh hoặc yếu tùy vào sự tương tác giữa các thành viên trong tổ chức. Trong một nền văn hóa mạnh, có rất nhiều sự tương tác bao hàm và gắn kết lẫn nhau, điều này giúp nét đặc sắc của tổ chức - và những điều cần để phát triển trong tổ chức đó - được nhiều người biết đến.

1 Cựu chuyên viên Trường Giáo dục Harvard

Tại một phiên họp gần đây ở National Institute for Urban School Leaders, Harvard Graduate School of Education, Bridwell-Mitchell đã bàn sâu về “văn hóa”, mô tả các nền tảng của bản sắc tổ chức, hay cụ thể hơn cảm giác sống và làm việc trong một tổ chức sẽ như thế nào.

Văn hóa là kết nối

Một nền văn hóa sẽ mạnh hoặc yếu tùy vào sự tương tác giữa các thành viên trong tổ chức. Trong một nền văn hóa mạnh, có rất nhiều sự tương tác bao hàm và gắn kết lẫn nhau, điều này giúp nét độc đáo của tổ chức - và những gì cần làm để phát triển trong tổ chức đó - được nhiều người biết đến và ngày càng được củng cố. Trong một nền văn hóa yếu, sự tương tác thưa thớt làm mọi người khó có thể tìm hiểu về nền văn hóa của tổ chức, điều này làm cho bản sắc của tổ chức hầu như không cảm nhận được và việc cam kết với tổ chức là ít thấy hoặc không thường xuyên.

- Niềm tin, giá trị, và hành động (của tổ chức) sẽ càng được lan truyền rộng rãi và được củng cố khi tất cả mọi người đều giao tiếp với nhau. Trong một nền văn hóa trường học mạnh, nhà quản lý làm việc trực tiếp với giáo viên, nhân viên quản lý, nhân viên tư vấn, và gia đình; tất cả các thành viên này cũng làm việc trực tiếp với nhau.
- Văn hóa suy yếu khi giao tiếp là hạn chế và có ít kết nối. Ví dụ, nếu một giáo viên không bao giờ được nghe trực tiếp từ hiệu trưởng, một quản trị viên luôn bị loại ra khỏi các thông tin tổ chức, hoặc có các nhóm nhân viên làm việc cô lập, thì sẽ rất khó để các thông tin về niềm tin và cam kết với tổ chức được lan truyền.

Văn hóa là niềm tin và hành vi cốt lõi

Trong một nền văn hóa dù yếu hay mạnh, điều gì mỗi cá nhân tin tưởng và làm theo phụ thuộc vào thông điệp - cả trực tiếp lẫn gián tiếp - gửi từ lãnh đạo và những người khác trong tổ chức. Một nền văn hóa tốt vươn lên từ những thông điệp thúc đẩy những phẩm chất như sự cộng tác, trung thực, và làm việc chăm chỉ.

Văn hóa được hình thành bởi năm yếu tố gắn kết với nhau, mỗi yếu tố này đều có thể được điều chỉnh bởi lãnh đạo trường học:

1. Niềm tin và giả định cốt lõi (những điều mà mọi người ở trường cho là đúng). Ví dụ: “Tất cả học sinh đều có khả năng thành công” hoặc “Giảng dạy là môn thể thao đồng đội”.
2. Cùng chung giá trị cốt lõi (sự đánh giá của mọi người ở trường về những niềm tin và giả định: đúng hay sai, tốt hay xấu, công bằng hay không). Ví dụ: “Việc một số trẻ mẫu giáo không có cùng cơ hội như nhau để học đại học là sai,” hoặc “Để giáo viên của trường cộng tác với đồng nghiệp là điều đúng đắn.”
3. Chuẩn mực (điều mà mọi người tin rằng họ nên làm theo, hoặc họ được mong đợi là sẽ làm theo). Ví dụ: “Chúng ta cần nói chuyện sớm và thường xuyên với cha mẹ về những điều cần cho con em họ theo học đại học”, hay “Tất cả chúng ta nên có mặt và tham gia vào các cuộc họp hàng tuần.”
4. Khuôn khổ và hành vi (cách mọi người trong trường thực sự hành xử). Ví dụ: Có các cuộc họp định kỳ có tổ chức cho cha mẹ học sinh; Có sự tham gia tích cực trong các cuộc họp nhóm về chương trình dạy hàng tuần. (Trong một nền văn hóa yếu, những khuôn khổ và hành vi này có thể khác với các chuẩn mực.)
5. Bằng chứng hữu hình (dấu hiệu vật chất, thị giác, thính giác hoặc cảm giác khác thể hiện hành vi của những người trong trường). Ví dụ: các áp phích nổi bật thể hiện số học sinh vào đại học, hoặc bãi đậu xe kín trước một tiếng khi trường bắt đầu buổi sáng khi các nhóm giảng dạy gặp nhau.

Mỗi yếu tố trên ảnh hưởng và thúc đẩy lẫn nhau, tạo nên một vòng tròn củng cố niềm tin và hành động; và sự liên kết chặt chẽ giữa mỗi thành viên của cộng đồng nhà trường củng cố mỗi điểm của vòng tròn đó, Bridwell-Mitchell nói.

NĂM 2030, CÔNG NGHỆ CÓ THỂ HỖ TRỢ LỚP HỌC THẾ NÀO?

© aceitstudyguidesblog.co.za

Barbara Holzapfel¹ | Bùi Quang Minh dịch

Thế giới chúng ta đang thay đổi nhanh hơn bao giờ hết. Trẻ mẫu giáo ngày nay cần những kỹ năng gì cho cuộc sống của họ vào thời điểm tốt nghiệp năm 2030. Công nghệ có thể hỗ trợ trong quá trình giáo dục của họ như thế nào?

Để trả lời những câu hỏi quan trọng này, chúng tôi đã đưa ra một nghiên cứu quan trọng: “Lớp học năm 2030 và học tập sẵn sàng cho cuộc sống: Công nghệ là bắt buộc.” Hôm nay, chúng tôi rất vui mừng chia sẻ nghiên cứu đã có. Để tiến hành nghiên cứu, chúng tôi lắng nghe 70 nhà lãnh đạo tư tưởng trên toàn thế giới, đã xem xét 150 bài nghiên cứu hiện có, khảo sát 2.000 giáo viên và 2.000 sinh viên trên khắp đất nước Canada, Singapore, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ.

Quan trọng nhất, chúng tôi tập trung vào nhu cầu và nguyện vọng của đối tượng nghiên cứu: những người trẻ, những người là thành viên của lớp học năm 2030 và những người thân yêu quanh họ. Việc sử dụng lao động trong tương lai đang yêu cầu cao các kỹ năng cảm xúc, xã hội với 40% cơ hội việc làm.

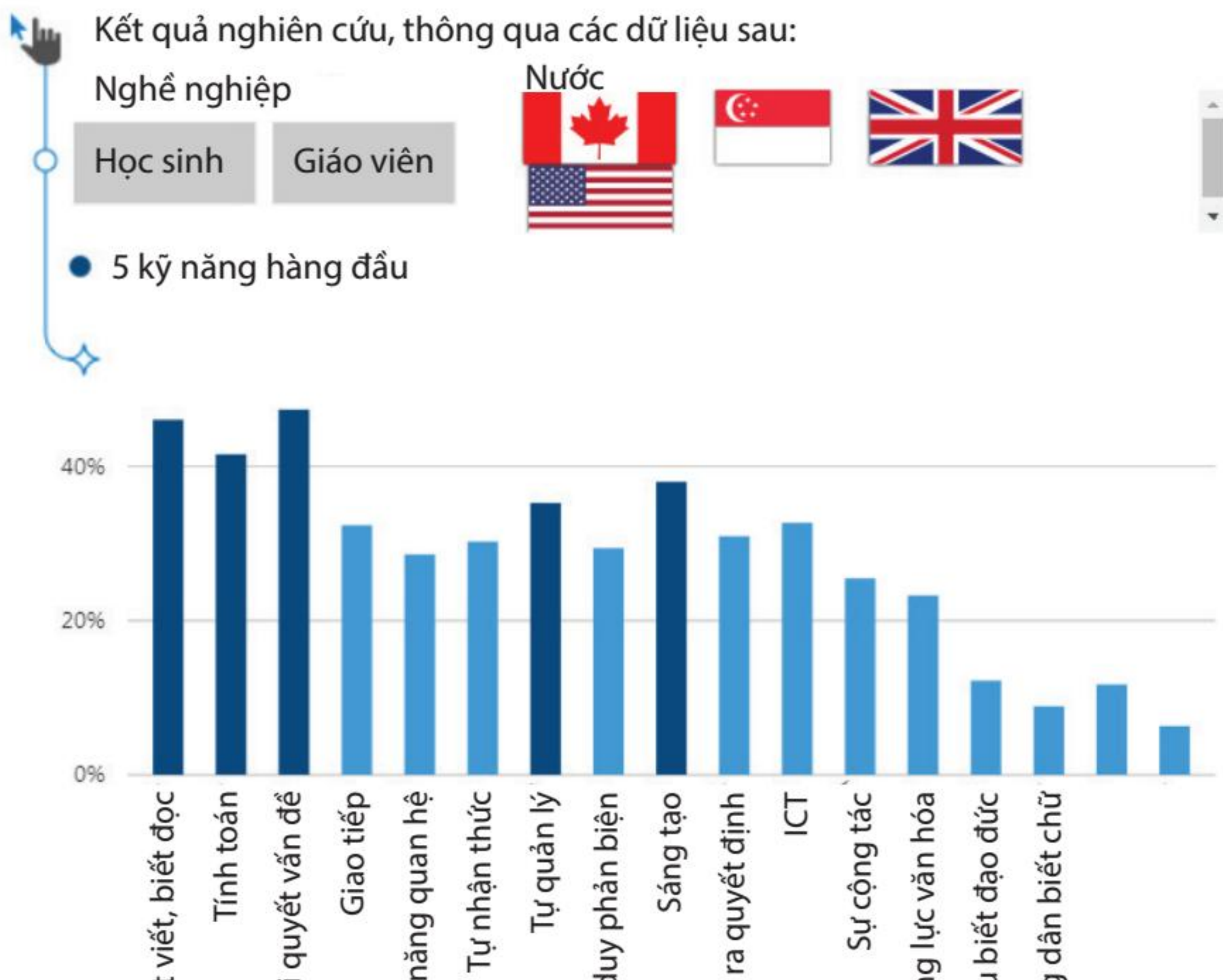
Các viện nghiên cứu ghi nhận tác động của việc học đào sâu kiến thức và học sinh tự nhận ra những kỹ năng rất quan trọng cho sự thành công. Nghiên cứu nhấn mạnh cá nhân hóa việc học như một cách tiếp cận hỗ trợ cho việc phát triển cả về kỹ năng nhận thức, kỹ năng xã hội và kỹ năng cảm xúc, bằng cách hướng dẫn học sinh theo hướng tự chủ, kiểm soát lớn hơn.

Rõ ràng, các sinh viên muốn phát triển những kỹ năng này để định hướng học tập, khám phá và có những lựa chọn của riêng mình, và họ muốn giáo viên hiểu những sự tò mò, tiềm năng của họ và tìm cách phát huy nó.

1 Giám đốc Quảng bá Giáo dục, Microsoft

Ba công nghệ được nhấn mạnh trong nghiên cứu: học tập cá nhân theo lối tiếp cận cơ bản, thực tế nhiều lĩnh vực và phân tích các dữ kiện đã có dựa trên trí tuệ nhân tạo AI, điều đó xem như là việc tuyệt vời để hỗ trợ phát triển kỹ năng xã hội và cảm xúc.

Học sinh ở bốn quốc gia được khảo sát ưu tiên một loạt các kỹ năng xã hội, cảm xúc và học sinh ở các cấp cao hơn, đặc biệt là sinh viên có kỹ năng sáng tạo về kỹ thuật số và giải quyết vấn đề cao hơn giáo viên.



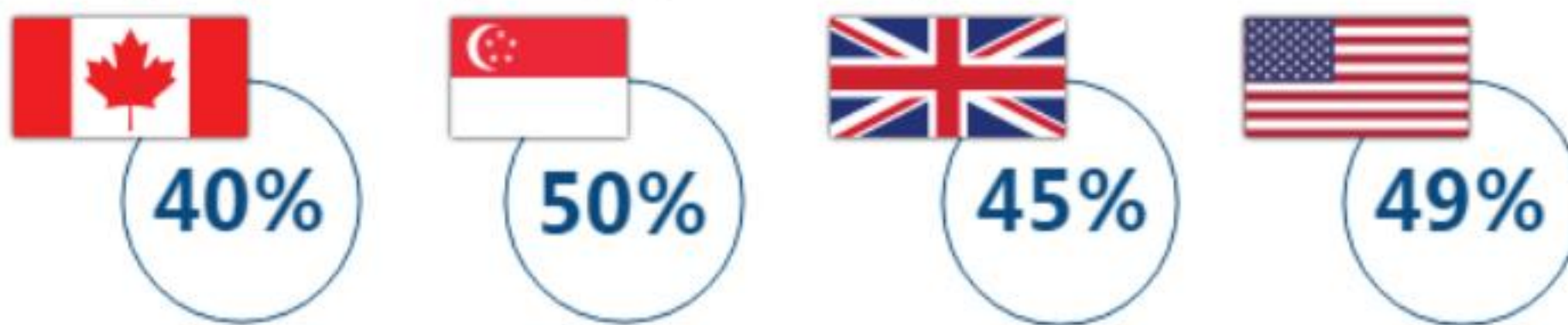
Mặc dù không phải là những kỹ năng mới trong giáo dục, nhưng những kỹ năng này khá quan trọng đối với nhiều người, những người là lực lượng chính đang tham gia với các kỹ năng nhận thức, nội dung kiến thức được đào sâu hơn trong lớp học. Đến năm 2030, người ta dự đoán rằng từ 30 đến 40 phần trăm công việc sẽ yêu cầu các kỹ năng xã hội, cảm xúc rõ ràng.

Với nhu cầu rõ ràng về kỹ năng xã hội, cảm xúc, nghiên cứu của chúng tôi nhấn mạnh sự khác biệt giữa các kỹ năng cụ thể của học sinh và giáo viên, và giáo viên được trang bị như thế nào để dạy các kỹ năng này. Sự thay đổi này được phản ánh trong cách cả hai nhóm mô tả kinh nghiệm của họ về các kỹ năng xã hội, cảm xúc như là một phần của chương trình học tập.

Học sinh đã chú trọng mạnh mẽ vào các kỹ năng cảm xúc - xã hội dựa trên kết quả khảo sát của chúng tôi, mà bạn có thể khám phá bên dưới.

Xếp hạng kỹ năng xã hội, cảm xúc theo quốc gia

Kết quả nghiên cứu, thông qua các dữ liệu sau:



Học sinh xếp hạng 2-5 kỹ năng xã hội, cảm xúc trong 5 ưu tiên giáo dục hàng đầu của họ

Xếp hạng chung về kỹ năng xã hội, cảm xúc

Kết quả nghiên cứu, thông qua các dữ liệu sau:

Giới tính

Độ tuổi

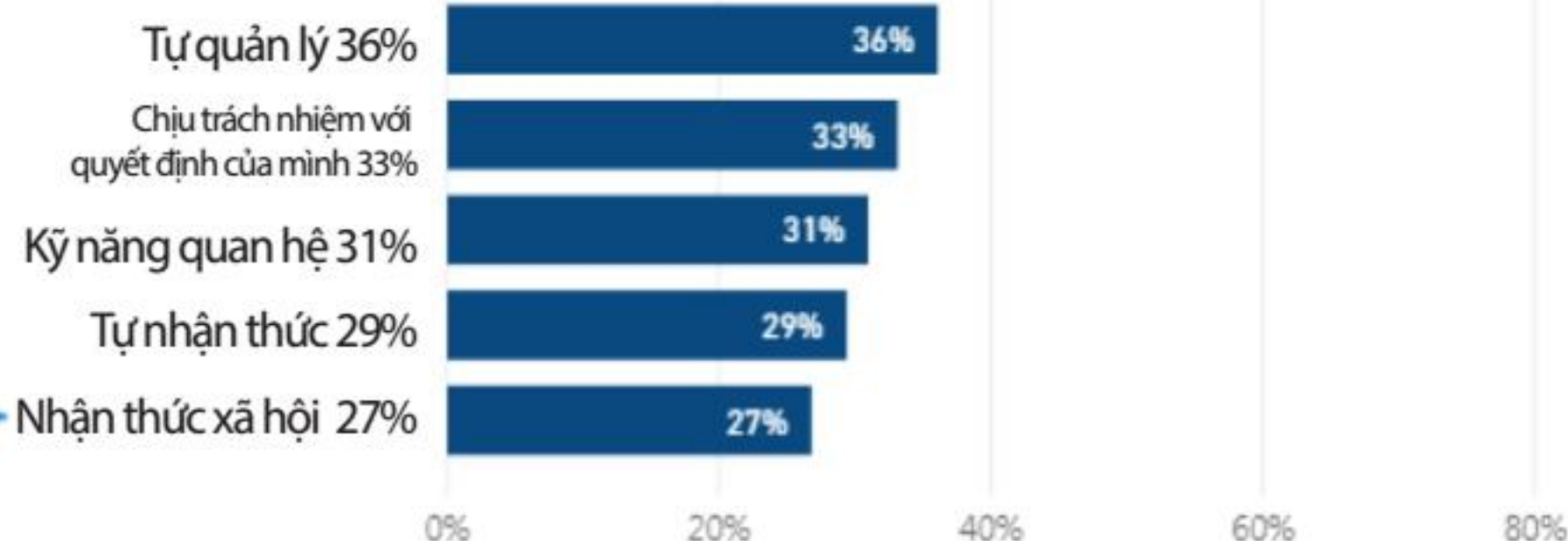
Nữ

Nam

13-15

16-17

18

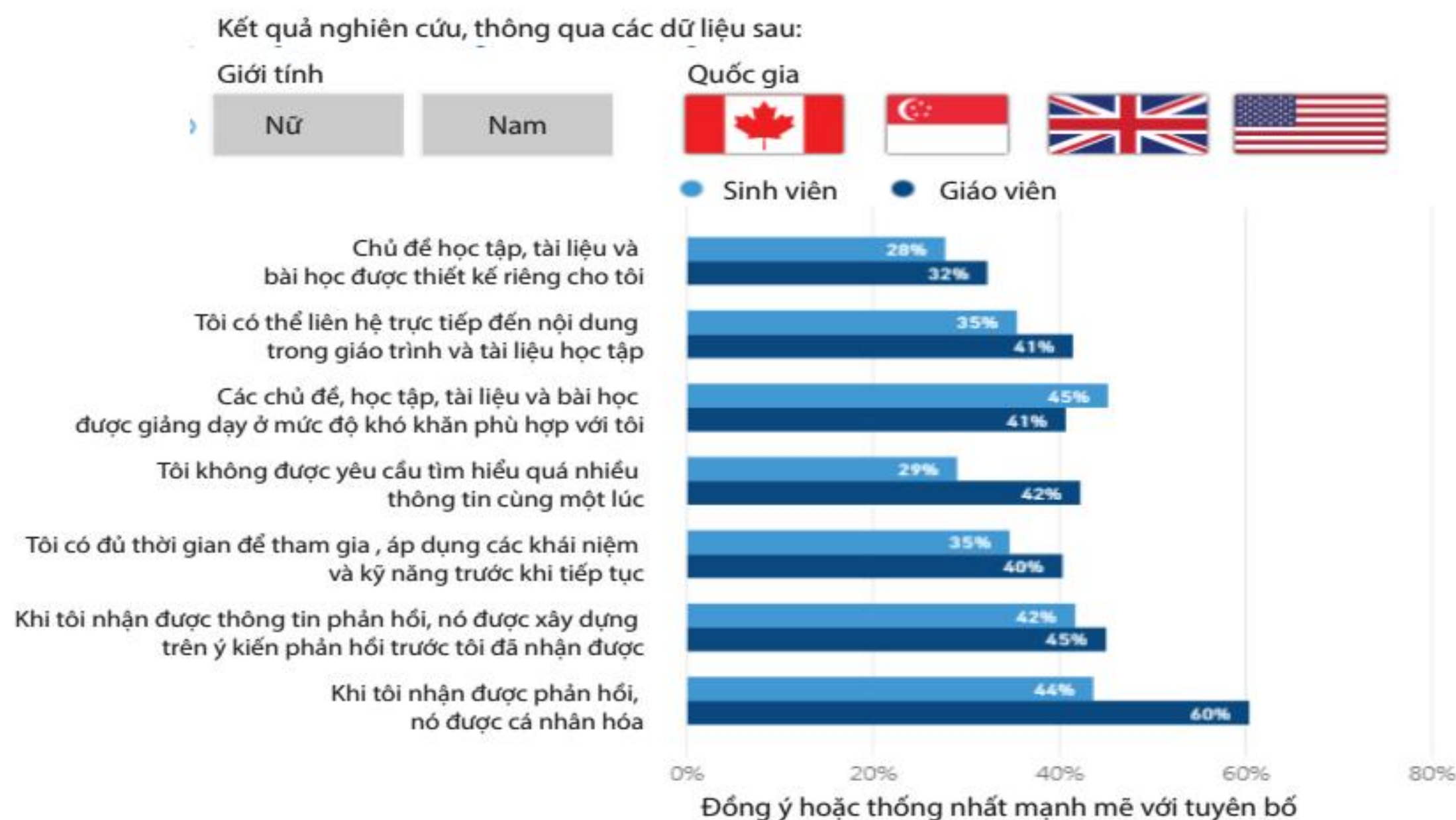


\Cá nhân hóa trong học tập, là phương pháp tiếp cận trung tâm của học sinh, nổi lên như một trong những cách hứa hẹn nhất để phát triển các kỹ năng nhận thức, kỹ năng cảm xúc và kỹ năng xã hội một cách sâu sắc hơn.

Các sinh viên mà chúng tôi khảo sát cho biết họ muốn kiểm soát tốt hơn việc học của mình và không chỉ tự động hóa phân phối nội dung. Các sinh viên muốn cá nhân hóa liên quan đến kiểm soát tiến độ, nội dung và đánh giá. 70 phần trăm học sinh cảm thấy việc làm chủ về nội dung sẽ tốt hơn việc kiểm soát tiến độ. Những phản hồi về chất lượng học tập rất quan trọng trong việc cá nhân hóa học tập. Chỉ có 40% sinh viên chúng tôi được khảo sát cảm thấy họ nhận được phản hồi được của việc cá nhân hóa học tập, nhưng giáo viên cảm thấy họ đang phản hồi lại cho 60% việc cá nhân hóa học tập của sinh viên.

Từ lâu, các giáo viên đã từ lâu ủng hộ cá nhân hóa việc học, nhưng họ đã chỉ ra việc thiếu thời gian và nguồn lực đã làm trở ngại việc trên. Trong cuộc khảo sát của chúng tôi, gần 70% giáo viên đã trích dẫn những hạn chế về thời gian như là rào cản lớn nhất của họ trong việc cung cấp nội dung được cá nhân hóa hơn cho sinh viên của họ. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy công nghệ có thể giúp xóa bỏ những trở ngại đó bằng cách giải phóng 30% thời gian của giáo viên, vì vậy họ có thể dành nhiều thời gian hơn để đáp ứng nhu cầu cá nhân và nhóm.

Nghiên cứu của chúng tôi đã xác định những khác biệt quan trọng khác trong quan điểm giữa sinh viên và giáo viên về mức độ cá nhân hóa trong giáo dục hiện tại của họ. Khám phá dữ liệu bên dưới.



30%

Chỉ 30% sinh viên và giáo viên đồng ý rằng nội dung được cá nhân hóa

67%

Ngoài ra, 67% giáo viên đồng ý rằng nội dung nên được cá nhân hóa, nhưng nhiều người không thể, với 69% chỉ ra nguyên nhân chính là giới hạn về thời gian

Ba loại công nghệ đặc biệt hứa hẹn đem lại sự tiến bộ mạnh mẽ cho xã hội và cá nhân hóa học tập và kinh nghiệm là: nền tảng hợp tác, trí thông minh nhân tạo, và kiến thức thực tế liên môn. Bạn có thể tìm hiểu thêm về các cơ hội hiện tại, cơ hội đang nổi lên trong báo cáo đầy đủ và trong các bài báo và nghiên cứu điển hình được xuất bản trong năm 2018.

Lớp 2030 và các thế hệ tương lai sẽ đối mặt với những vấn đề xã hội và toàn cầu vượt ra ngoài những gì chúng ta có thể tưởng tượng. Họ sẽ học hỏi và tham gia với nhau, với công nghệ và thông tin theo những cách hoàn toàn mới. Và họ sẽ bước vào một lực lượng lao động nơi mà các chức năng công việc và vai trò sẽ khác biệt đáng kể so với ngày hôm nay.

Chúng tôi hy vọng nghiên cứu của chúng tôi sẽ thúc đẩy tất cả những nỗ lực của chúng tôi để giúp các lớp học năm 2030 sẵn sàng để thành công trong công việc và cuộc sống.

Tôi khuyến khích bạn yêu cầu báo cáo đầy đủ của chúng tôi và chia sẻ nó rộng rãi với bất kỳ ai quan tâm đến việc định hình hệ thống giáo dục của tương lai.

Tôi mong muốn tiếp tục tham gia với bạn về những chủ đề quan trọng này trong những tuần và tháng tới.

05 XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC NĂM 2018

© campustechnology.com

Liam O'Marah | Đặng Thanh Giang dịch

Cộng đồng giáo dục đã và đang hình thành các xu hướng công nghệ mới năm 2018. Khi các mục tiêu của trường học phát triển và công nghệ tiến bộ, mỗi năm sẽ xuất hiện các phương pháp giảng dạy và xu hướng EdTech (công nghệ giáo dục mới). Công nghệ trong giáo dục liên tục phá vỡ và bổ trợ cho ngành sư phạm. Nó mở đường cho trải nghiệm học tập mới và cung cấp những cách sáng tạo để đạt được các mục tiêu cốt lõi cho năm học. Dưới đây là các xu hướng về công nghệ và giáo dục nổi bật trong năm 2018:

1. Công nghệ dựa trên điện toán đám mây (Cloud-based Technology)

Năm 2018, điện toán đám mây tiếp tục giúp cho trải nghiệm học tập được sắp xếp hợp lý hơn. Học sinh sẽ không còn lo lắng về các tập tin và tài liệu bị mất hoặc bị xóa, hoặc phải mua nhiều USB để lưu các bài tập. Các bài tiểu luận, nội dung liên quan đến dự án, thời gian biểu và bài tập sẽ được chia sẻ dễ dàng hơn và được lưu trữ an toàn trên đám mây, chẳng hạn như Google Docs.

Với việc lưu trữ tập trung các nguồn tài nguyên, công nghệ dựa trên điện toán đám mây cho phép các nhà giáo dục tăng phạm vi tiếp cận và chia sẻ thông tin của họ mà không tăng chi phí hoặc áp lực về thời gian.

2. Thực tế ảo và thực tế ảo tăng cường (Virtual and Augmented Reality)

Năm 2018, công nghệ mới sẽ cho giáo viên các công cụ để cung cấp trải nghiệm học tập nâng cao thông qua thực tế ảo tăng cường và thực tế ảo (VR). Sau thành công của Pokemon Go, chúng ta đã chứng kiến sự xuất hiện của thực tế ảo tăng cường (AR) trong giáo dục vào năm 2017. Giáo viên sử dụng thực tế ảo tăng cường để tạo ra các tầng lớp nội dung ảo để làm gia tăng hiểu biết và cảm hứng cho học sinh.

Với việc phát hành các phụ kiện VR ngày càng có giá phải chăng và dễ tiếp cận, chúng ta có thể mong đợi nhiều hơn từ công nghệ này vào năm 2018. Số lượng ứng dụng và nền tảng giảng dạy miễn phí được thiết kế đặc biệt cho giáo dục ảo đang phát triển. VR và AR sẽ chuyển từ thử nghiệm sang phổ biến trong học tập. Hãy làm việc với nhóm IT của bạn để xem xét các thiết bị đang có trên thị trường và đảm bảo bạn tìm hiểu chi phí để tạo ra một môi trường làm việc thực sự hiệu quả.

3. STEAM - nghệ thuật và STEM

Đang có một trào lưu mạnh mẽ trong sư phạm chú trọng vào việc tăng khả năng hiểu biết công nghệ (digital literacy) của học sinh, và khuyến khích học sinh áp dụng nhiều hơn các môn học

tập trung vào công nghệ trong vài năm qua. Điều này đảm bảo cho học sinh trở thành những người dùng Internet có trách nhiệm, cũng như bồi dưỡng các kỹ năng có thể chuyển đổi (transferable skills) cho tương lai của chính các em. Theo nghiên cứu của chúng tôi về việc sử dụng công nghệ trong giáo dục năm 2017, các lớp STEM được coi là tiên tiến nhất về công nghệ trong chương trình học tập. Tuy nhiên, các môn nghệ thuật truyền thống và nhân văn cũng được đánh giá là bắt kịp trong việc sử dụng EdTech.

Xu hướng trong công nghệ và việc sử dụng Ed-Tech ngày càng tăng trong toàn bộ chương trình giảng dạy cho thấy sự sáng tạo sẽ giữ vị trí hàng đầu trong giáo dục. Kết hợp các yếu tố sáng tạo vào môn học STEM có lợi ích không thể phủ nhận bao gồm tăng khả năng tiếp cận, vượt qua vấn đề giới tính và thu hút các đối tượng người học khác nhau. Phương pháp STEAM sẽ có nhiều dạng hơn vào năm 2018.

4. Công nghệ ngăn chặn bắt nạt

Mặc dù các thiết bị di động và nền tảng xã hội ra đời với mục đích tốt, nó cũng làm cho nạn bắt nạt trực tuyến ngày càng phổ biến. Dựa trên thực tế rằng công nghệ là một yếu tố thúc đẩy hành vi lạm dụng, nó sẽ tiếp tục cung cấp các giải pháp mạnh mẽ hơn cho vấn đề này.

EdTech sẽ được sử dụng rộng rãi vào năm 2018 để quản lý việc sử dụng công nghệ của học sinh, theo dõi các cụm từ chúng tìm kiếm và sử dụng, cũng như tất cả các trang web chúng truy cập. Sẽ có các ứng dụng sẽ cho phép giáo viên và quản trị viên IT theo dõi từ xa bất kỳ thiết bị nào học sinh của họ sử dụng. Các công nghệ khác sẽ được áp dụng trực tiếp cho thiết bị của học sinh để quản lý giọng nói, dịch vụ định vị, quét hình ảnh, gắn cờ từ khóa và hoạt động trên mạng xã hội, để mang lại một bức tranh tổng thể về tâm trạng của chúng.

Những nền tảng cung cấp phương tiện báo cáo

và giao tiếp giữa giáo viên và học sinh sẽ trở nên phổ biến. Những công cụ này giúp nâng cao nhận thức về vấn đề bắt nạt đang phổ biến và tăng cường các phương thức giao tiếp.

5. Giáo dục di động (Mobile-Style Education)

Ngày nay, nhiều học sinh sở hữu một thiết bị di động. Khai thác công nghệ này cho học tập sẽ thúc đẩy sự tham gia và tạo động lực cho tất cả các trình độ. Việc học trên thiết bị di động cũng sẽ mang đến sự linh hoạt và khả năng tiếp cận lớn hơn cho việc học tập tại nhà. Kết nối công nghệ và thiết bị di động trong lớp học sẽ cho phép giáo viên cung cấp một trải nghiệm học tập tích hợp và sâu sắc cho tất cả các phong cách và trình độ học tập.

Nhờ vào việc sử dụng công nghệ trực quan của sinh viên, năm 2018, nhiều trường học sẽ áp dụng các trải nghiệm máy tính bảng để hiển thị lên màn hình lớp học và kết hợp với các kỹ thuật học tập và trò chơi mới. Bảng trắng tương tác truyền thống ngày càng bộc lộ khuyết điểm trong việc mở rộng quy mô hoặc tốn kém để thay thế, vì vậy các trường học đang chuyển sang các công nghệ tương lai có khả năng nâng cấp như Promethean ActivPanels.

Những đổi mới và xu hướng công nghệ trong doanh nghiệp đang mang lại cho trường học các công cụ tiên tiến hơn và các hình thức edtech tốt hơn để cải thiện kết quả giảng dạy và tăng cường phương pháp sư phạm của giáo viên. Các giáo viên tận thiện đang trở nên sáng tạo hơn với edtech, luôn tìm cách sử dụng công nghệ để tạo ra trải nghiệm học tập khác biệt và tăng cường sự tham gia của học sinh. Tác động lớn nhất mà công nghệ có khả năng mang đến là nuôi dưỡng cho học sinh các kỹ năng để thành công, nâng cao chất lượng học tập trong các lớp khả năng hỗn hợp và bảo vệ an toàn trực tuyến cho các em.



Mô hình Coding Bootcamp - Trại huấn luyện lập trình

© myportfolio.com

Khắc Nhật

Học viên của hệ thống đào tạo lập trình hiện đại CodeGym dành tối thiểu 8 tiếng một ngày để học tập và rèn luyện. Đây là một mô hình đào tạo lập trình mới rất hiệu quả được gọi là Coding Bootcamp – tạm dịch là Trại huấn luyện lập trình.

Đi học như đi làm

Học viên trong các Coding Bootcamp thường được yêu cầu dành một lượng thời gian rất lớn cho việc học, tối thiểu là 8 giờ một ngày. Ngoài ra, học viên có thể còn được yêu cầu dành thêm thời gian lên đến 11 giờ một ngày để hoàn thành được các nhiệm vụ được giao.

Khi bước vào CodeGym, mỗi học viên sẽ đảm nhiệm một “dự án học tập”, trong đó các hạng mục đã được thiết kế sẵn để học viên dần dần hoàn thành từng việc một – tương đương với việc học được các kiến thức mới và rèn luyện các kỹ năng lập trình. Các hoạt động của học

viên đều được thiết kế theo hướng giúp cho năng lực của học viên tăng trưởng dần. Việc dễ làm trước, việc khó làm sau, lặp đi lặp lại, cho đến khi đạt được mức thành thạo cần thiết.

Dành phần lớn thời gian trong ngày cho việc học cũng là cách giúp học viên tập trung nhất có thể. Học viên không vướng bận bởi các sự việc khác hay các hoạt động bên ngoài, thay vào đó tập trung toàn bộ sức lực để học tập và rèn luyện để nhanh chóng ra nghề.

Tự học

Chương trình của CodeGym được thiết kế theo hướng khuyến khích việc tự học của học viên. Theo đó, phần lớn các hạng mục công việc đều được tự động hoá, giúp cho học viên có thể tự làm việc và kiểm tra kết quả của mình. Các giảng viên chỉ cần để ý thêm đến các hạng mục khó mà học viên dễ bị sai sót.

Để học các kiến thức mới, học viên xem các video ngắn. Mỗi video được xây dựng với chất

lượng tốt, bao gồm những yêu cầu như: thời gian ngắn dưới 10 phút, có chủ đề rõ ràng, đã được kiểm định về chất lượng chuyên môn, chất lượng âm thanh, hình ảnh... Do đó, học viên hoàn toàn có thể tự thực hiện việc học các khái niệm mới mà không cần đến việc giảng giải của giảng viên.

Sau khi xem video thì học viên có thể tự đọc thêm các bài viết bổ sung, làm một vài bài quiz để kiểm tra khả năng hiểu của mình. Sau đó, học viên có thể bắt tay vào giải quyết các bài thực hành và bài tập tự làm.

Các bài thực hành được thiết kế theo hướng dẫn dắt học viên, đi từ những bước cơ bản cho đến khi dần dần hoàn thiện được một giải pháp. Kỹ thuật này được gọi là baby-steps, tức là đi từng bước nhỏ, giúp cho học viên dễ dàng hiểu được ý nghĩa của từng thao tác, và quan sát được kết quả của từng thao tác một.

Như vậy, phần lớn các nội dung lý thuyết và các bài thực hành dễ đã được học viên tự giải quyết mà không cần đến giảng viên. Nhờ đó, các giờ gặp mặt giữa học viên và giảng viên được sử dụng hiệu quả, giúp xử lý các vấn đề khó, định hướng và bổ sung những trải nghiệm mà không dễ truyền tải được thông qua video hoặc các bài viết, chẳng hạn như demo một giải pháp, trao đổi về kinh nghiệm lập trình hoặc giải đáp các thắc mắc của riêng từng cá nhân.

Được hỗ trợ liên tục

Học viên tại CodeGym được yêu cầu tuân thủ nguyên tắc 20 phút, có nghĩa là khi gặp một vấn đề, học viên cần dành tối thiểu 20 để tìm hiểu, tìm kiếm các giải pháp trước khi yêu cầu sự trợ giúp. Học viên cũng được yêu cầu không nên dành quá 1 giờ để tìm cách xử lý một vấn đề khó, mà nên tham khảo các ý kiến từ Tutor để có thể giải quyết nhanh hơn và tiết kiệm thời gian.

Tutor là một vai trò quan trọng trong các Coding Bootcamp, Tutor là người thường xuyên có mặt

để giúp học viên giải quyết các tình huống khó, đưa ra các gợi ý và giám sát học viên trong suốt quá trình học.

Rèn luyện kỹ năng làm việc

Học viên quản lý công việc của mình sử dụng phương pháp Kanban, với một công cụ trực tuyến dành riêng cho học viên. Nhờ đó, tiến độ học tập của học viên luôn luôn minh bạch với giảng viên và chính học viên đó. Cũng nhờ việc này mà năng lực quản lý công việc của học viên được hình thành và thành thạo ngay trong quá trình học. Chúng ta cần phải biết rằng Kanban là một phương pháp quản lý công việc hiệu quả và đang được sử dụng rất rộng rãi trong các tổ chức và cá nhân trên toàn thế giới.

Hàng tuần, học viên viết báo cáo và gửi cho Huấn luyện viên qua email. Hoạt động này giúp học viên rèn luyện kỹ năng viết, kỹ năng sử dụng trình soạn thảo tài liệu, kỹ năng viết email. Đây đều là các kỹ năng không thể thiếu của bất cứ một lập trình viên hiện đại nào.

Ngay từ ngày đầu tiên đến CodeGym, học viên được giới thiệu về phương pháp học và phương pháp đọc hiệu quả. Có cả một khoá học trực tuyến để giúp học viên nắm được cách học và đọc thế nào cho tốt. Học viên cũng được khuyến khích đọc sách hàng tuần để mở rộng nền tảng kiến thức cũng như hình thành nên thói quen đọc sách rất tốt cho sau này.

Nhanh làm ra sản phẩm

Sau mỗi bài học, học viên đều làm ra được các sản phẩm thật hoạt động được. Điều này tạo động lực cho học viên và đồng thời cũng là bằng chứng cho sự tiến bộ của học viên qua từng khoảng thời gian ngắn.

Tất cả các sản phẩm của học viên đều được đưa lên hệ thống quản lý mã nguồn GitHub và lưu trữ ở đó. Đến khi kết thúc chương trình học, mỗi học viên có từ 150 đến 200 “kho” mã nguồn.

Đây là một phần quan trọng trong hồ sơ trực tuyến của học viên để “mang đi khoe” với các doanh nghiệp tuyển dụng.

Phỏng vấn và đi làm

Các mã nguồn của học viên khó có thể được “giả mạo”, bởi vì chúng được đưa lên hằng ngày trong một khoảng thời gian dài. Ngược lại, các mã nguồn này thể hiện rõ ràng nhất tiến bộ của học viên qua từng giai đoạn. Khi doanh nghiệp phỏng vấn tuyển dụng, họ không chỉ đánh giá học viên dựa trên một bài kiểm tra hoặc phỏng vấn ngắn, mà còn có thể quan sát được gần như tất cả các năng lực của học viên, dựa vào bộ mã nguồn mà học viên đó đã tạo ra.

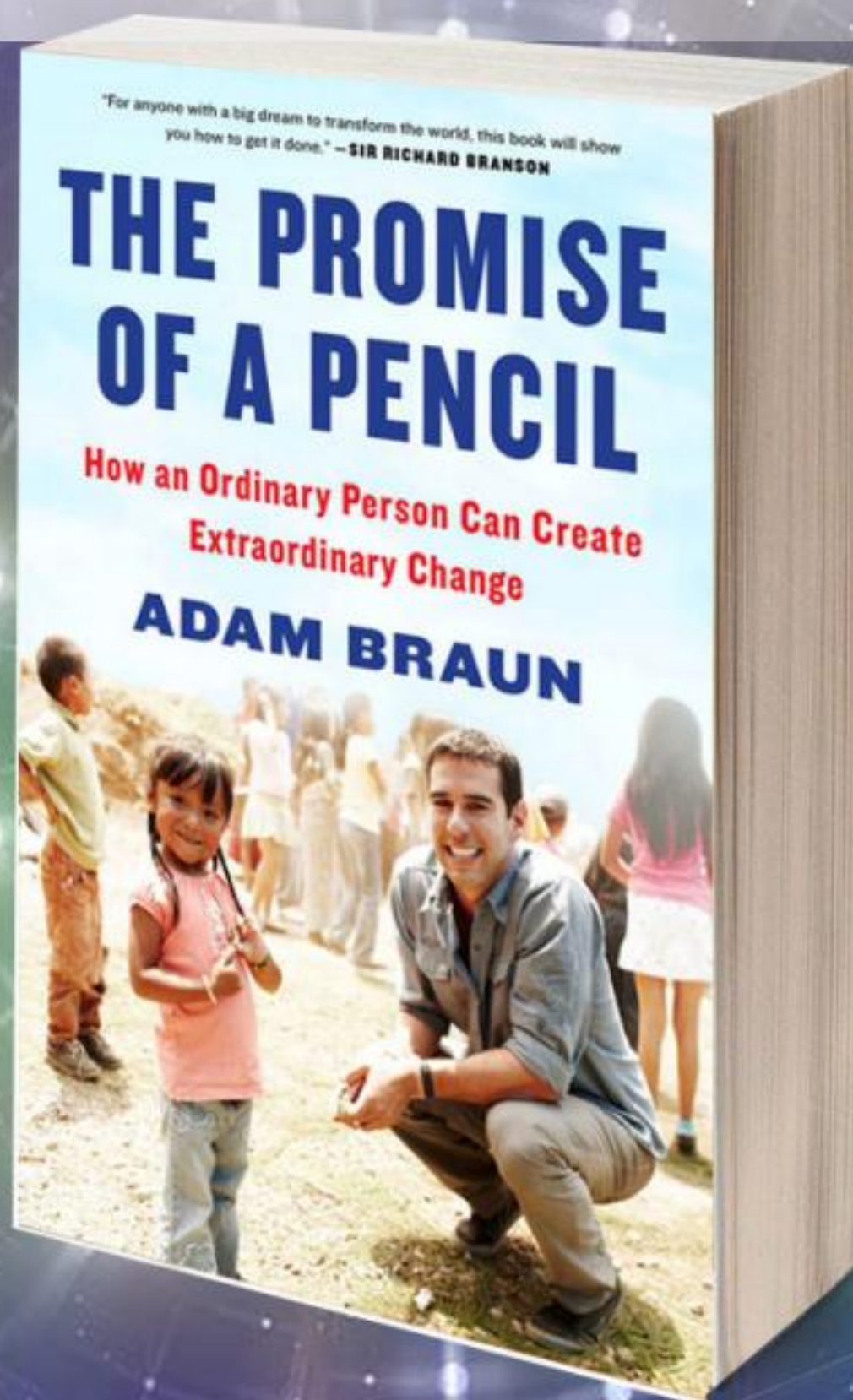
Cuối chương trình đào tạo, học viên hoàn thiện hồ sơ trực tuyến và CV để ứng tuyển vào doanh nghiệp dưới sự hướng dẫn của các Tutor. Học viên có thể được giới thiệu vào các doanh nghiệp đối tác của CodeGym hoặc tự mình ứng tuyển vào một công ty mà mình lựa chọn. Học viên được khuyến khích trao đổi lại với Huấn luyện viên về nội dung và kết quả của từng phiên phỏng vấn, để được định hướng và cải thiện sau đó.

Thời gian để một học viên thích ứng với môi trường làm việc tại doanh nghiệp được giảm đáng kể so với các mô hình đào tạo truyền thống. Có được điều này là nhờ chương trình của CodeGym được xây dựng dựa trên nhu cầu của doanh nghiệp, do doanh nghiệp tham gia xây dựng và đánh giá. Do đó, có ít các khoảng cách giữa những năng lực của học viên so với các năng lực mà doanh nghiệp cần.

Học viên của CodeGym – không quan trọng là lúc bắt đầu có nền tảng công nghệ hay không – khi bước vào chương trình Bootcamp đều được trải qua những trải nghiệm học tập được thiết kế rất chi tiết và hiệu quả. Kết thúc chuỗi trải nghiệm này là một vị trí lập trình viên trong các đội nhóm ở các doanh nghiệp phần mềm. Mô hình Bootcamp đang giải quyết được rất nhiều những vấn đề mà các mô hình đào tạo lập trình truyền thống đang gặp phải: thời gian ngắn, chi phí thấp, trình độ tốt, năng lực sẵn sàng đáp ứng cho doanh nghiệp, số lượng lớn. Với các đặc điểm này, không khó để giải thích việc mô hình này đang ngày càng thịnh hành và đóng góp một lượng lớn nhân lực cho ngành công nghiệp phần mềm.



LỜI HỨA VỀ MỘT CÂY BÚT CHÌ



© netdna-ssl.com
© parade.com

Hoàng Anh Đức giới thiệu

Tựa Sách: The promise of a pencil
Tác giả: Adam Braun
Năm xuất bản: 2014

Ai cũng có những ước mơ, và quá trình nuôi dưỡng những ước mơ luôn là tuyệt diệu, nhất là khi quá trình của bạn lại chấp cánh được cho nhiều ước mơ khác. Trên những con đường dù xa lạ, vẫn có những con người lạ mà làm ta cảm thấy thân thương. Trong những cái đơn sơ, ta lại tìm thấy những niềm hạnh phúc tuyệt vời nhất.

Năm 2008, chàng trai 24 tuổi Adam Braun bước vào một chi nhánh ngân hàng Bank of America với một khoản tiền vừa đủ để thành lập một doanh nghiệp - 25 USD. Doanh nghiệp đó được đặt tên là Pencils of Promise - Những chiếc bút chì của lời hứa. Khi đó, Adam chẳng ngờ rằng 6 năm sau đó, tổ chức phi lợi nhuận non trẻ của anh đã phát triển thành một tổ chức tuyệt vời, xây được hơn 200 ngôi trường và đem lại tác động to lớn cho hàng ngàn học sinh, giáo viên, những cộng đồng địa phương và cả những nhà tài trợ trên toàn thế giới. Pop - The promise of a Pencil (Lời hứa về một cây bút chì) ghi lại câu chuyện thần kỳ, hành trình của chính Adam.

Câu chuyện ấy được bắt đầu từ chuyến đi của một chàng trai trẻ, rong ruổi khắp năm châu.

Chuyến đi ấy lại được khởi nguồn bởi sự tò mò về thế giới muôn nơi, khác với cuộc sống dường như đã được sắp đặt sẵn một cách ưu tú của chàng trai nhà Braun - “đã là nhà Braun thì phải khác”. Suýt bỏ mạng trên Thái Bình Dương, tới Việt Nam, Cambodia, Lào... và rồi tắm mình trên con sông ô nhiễm nhất nhưng cũng thiêng liêng nhất thế giới - Sông Hằng.

Khi Adam gặp một nhóm trẻ Ấn Độ đi xin tiền, thay vì đưa tiền, cậu thò tay vào túi và lấy ra mấy cây bút chì. Sự thay đổi xuất hiện gần như lập tức trên gương mặt các em. Các em bắt đầu vẽ lên những mảnh giấy không lành lặn và khoe nhau. Đó chính là một sự ý thức mới về tự do, nhen nhóm sự độc lập về cảm xúc, bình dị và mới mẻ.

Hành trình kiến tạo hàng trăm trường học, đem lại không chỉ tri thức mà còn niềm vui học tập cho hàng vạn trẻ em nghèo trên thế giới đã bắt đầu một cách ú oà như vậy. Đây không phải là cuốn sách hướng dẫn, chỉ đường để bạn có thể xây dựng nên những dự án xã hội gần giống thế. Đây càng không phải là cuốn sách để bạn có thể tìm ra một hình mẫu nào cho những hành động của cá nhân mình. Nhưng đây là một nguồn cảm hứng tốt mà bạn sẽ thấy chính mình trong đó, một nguồn cảm hứng tốt cho những ai đã, đang và sẽ luôn trân trọng những lời hứa.

Ban Biên tập Lộn xộn

Hoàng Anh Đức

Đặng Thanh Giang

Lê Thanh Hằng

Trần Trung Hà | ĐH Melbourne

Nguyễn Thị Hải Diệu | Wise Consulting Finland

Bùi Quang Minh | Nha Trang

Đặng Thu Nga | Pháp

Ngô Thành Nam | Nguyễn Hoàng Education

Nguyễn Minh Thành | Viện KHGD - ĐHSP Quý Châu

Nguyễn Văn Nghiêm | THPT Chuyên Quang Trung, Bình Phước

Ngô Huy Tâm | Cleverlearn

Nguyễn Thị Phương | CodeGym

Khách mời

Nguyễn Khắc Nhật

Logo | Hà Dũng Hiệp

Chế bản | Quách Anh

Liên hệ: bientap@day-hoc.org



“Học để Dạy, và Dạy để Học